1/ Quan điểm hcm về độc lập dân tộc:

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - nội dung cốt lõi xuyên suốt toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh

Độc lập dân lộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội thể hiện sự nhất quán trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh. Từ khi trở thành người cộng sản cho đến khi trở thành lãnh tụ, nguyên thủ quốc gia, mối quan tâm hàng đầu của Hồ Chí Minh là gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội phù hợp với từng thời kỳ của cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh chỉ rõ các bài viết của Người chỉ có một “đề tài” là: chống thực dân đế quốc, chống phong kiến địa chủ, tuyên truyền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội thể hiện một cách tập trung những luận điểm sáng tạo lớn về lý luận của Hồ Chí Minh. Những luận điểm đó có giá trị lâu dài chỉ đạo đường lối cách mạng Việt Nam và đóng góp quan trọng vào việc phát triển lý luận về cách mạng vô sản. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Trong khi giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa và phụ thuộc”(2).

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự phản ánh chính xác mục đích, lý tưởng, khát vọng và ham muốn tột bậc của danh nhân văn hoá Hồ Chí Minh: nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội phản ánh tính triệt để cách mạng của tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó đặt vấn đề giải phóng con người, hạnh phúc của con người ở mục tiêu cao nhất của sự nghiệp cách mạng.

II- NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với tiến lên chủ nghĩa xã hội

1.1. Độc lập dân tộc là mục tiêu trực tiếp, trước hết, là cơ sở tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội

Theo Hồ Chí Minh, con đường cách mạng Việt Nam có hai giai đoạn: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong cách mạng dân tộc dân chủ có hai nhiệm vụ chiến lược cơ bản, trong đó giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu, nhiệm vụ dân chủ được rải ra thực hiện từng bước và phục tùng nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Vì thế, ở giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ thì độc lập dân tộc là mục tiêu trực tiếp, trước mắt, cấp bách. Kết luận này được Hồ Chí Minh rút ra từ sự phân tích tình hình thực tế và những mâu thuẫn khách quan tồn tại của xã hội Việt Nam thuộc địa nửa phong kiến.

Lịch sử phát triển loài người chứng tỏ, độc lập dân tộc là khát vọng mang tính phổ biến. Với dân tộc Việt Nam, đó còn là một giá trị thiêng liêng, được bảo vệ và giữ gìn bởi máu xương, sức lực của biết bao thế hệ người Việt Nam.

Với Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc bao hàm trong đó cả nội dung dân tộc và dân chủ. Đó là nền độc lập thật sự, độc lập hoàn toàn, chứ không phải là thứ độc lập giả hiệu, độc lập nửa vời, độc lập hình thức. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải gắn liền với thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, độc lập dân tộc bao giờ cũng gắn với tự do, dân chủ, ấm no hạnh phúc của nhân dân lao động.

Khi nhấn mạnh mục tiêu độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh không bao giờ coi đó là mục tiêu cuối cùng của cách mạng Việt Nam. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, giành độc lập để đi tới xã hội cộng sản; độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc là mục tiêu cốt yếu, trực tiếp của cách mạng dân tộc dân chủ, là mục tiêu trước hết của quá trình cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo, đồng thời là điều kiện hàng đầu, quyết định để cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chuyển sang giai đoạn kế tiếp - cách mạng xã hội chủ nghĩa. Do vậy, cách mạng dân tộc dân chủ càng triệt để thì những điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội càng được tạo ra đầy đủ. Tính chất tạo tiền đề của cách mạng dân tộc dân chủ được thể hiện:

- Về chính trị: xác định và xây dựng các yếu tố của hệ thống chính trị do giai cấp công nhân lãnh đạo.

- Về kinh tế: bước đầu xây dựng được các cơ sở kinh tế mang tính chất xã hội chủ nghĩa, từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

- Về văn hoá, xã hội, đời sống tinh thần: trong cách mạng dân tộc dân chủ, khối quần chúng công - nông - trí thức và các giai tầng xã hội khác đã có ý thức giác ngộ, đoàn kết trong một mặt trận dân tộc thống nhất; những nhân tố mới của văn hoá, giáo dục đã được hình thành dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tóm lại, độc lập dân tộc tạo tiền đề, điều kiện để nhân dân lao động tự quyết định con đường đi tới chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trong thời đại mới chủ nghĩa xã hội là xu hướng phát triển tất yếu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Điều này làm cho con đường cứu nước giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh khác biệt về chất với con đường cứu nước những năm đầu thế kỷ ở nước ta và nhiều nhân vật nổi tiếng trên thế giới.

Cách mạng Việt Nam thuộc phạm trù cách mạng vô sản. Điều đó quyết định vai trò lãnh đạo cách mạng tất yếu thuộc về giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam. Lực lượng tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc là toàn dân Việt Nam yêu nước mà nòng cốt là khối liên minh công - nông - trí thức. Những nhân tố này lại quy định tính tất yếu dẫn đến phương hướng phát triển lên chủ nghĩa xã hội của cách mạng giải phóng dân tộc. Rõ ràng định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam được chi phối và chế định bởi các nhân tố bên trong của cuộc cách mạng đó.

1.2. Chủ nghĩa xã hội là con đường củng cố vững chắc độc lập dân tộc, giải phóng dân tộc một cách hoàn toàn triệt để

Về lý luận, độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội thể hiện mối quan hệ giữa mục tiêu trước mắt và mục tiêu cuối cùng; mối quan hệ giữa hai giai đoạn của một quá trình cách mạng. Lôgíc lịch sử khách quan cho thấy: thực hiện mục tiêu trước mắt là điều kiện tiên quyết để đi tới mục tiêu cuối cùng và chỉ thực hiện được mục tiêu cuối cùng thì mục tiêu trước mắt mới củng cố vững chắc một cách hoàn toàn, triệt để. Giữa hai giai đoạn cách mạng không có bức tường ngăn cách, cách mạng dân tộc dân chủ xác lập cơ sở, tiền đề cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, cách mạng xã hội chủ nghĩa khẳng định và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc bao giờ cũng gắn liền với đời sống ấm no, hạnh phúc của quần chúng nhân dân, những người đã trực tiếp làm nên thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ. Để đảm bảo vững chắc độc lập dân tộc, để không rơi vào lệ thuộc, đói nghèo lạc hậu, chặng đường tiếp theo chỉ có thể là đi lên chủ nghĩa xã hội. Do những đặc trưng nội tại của mình, chủ nghĩa xã hội sẽ củng cố những thành quả đã giành được trong cách mạng dân tộc dân chủ, tạo điều kiện để bảo đảm cho độc lập và phát triển dân tộc.

Tư tưởng độc lập dân tộc của Hồ Chí Minh mang một nội dung sâu sắc, triệt để: độc lập tự do, ấm no, hạnh phúc. Chủ nghĩa xã hội không chỉ củng cố những giá trị nêu trên, mà còn làm phong phú thêm về mặt nội dung, xác lập các điều kiện để hiện thực hoá các nội dung đó. Hồ Chí Minh khẳng định: chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng triệt để các dân tộc bị áp bức khỏi ách nô lệ; chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa mới bảo đảm cho một nền độc lập thật sự, chân chính.

Chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một xã hội tốt đẹp, xoá bỏ mọi áp bức, bóc lột; công bằng hợp lý - làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng; bảo đảm phúc lợi cho người già, trẻ mồ côi; một xã hội có nền sản xuất phát triển gắn liền với sự phát triển khoa học - kỹ thuật và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân lao động. Đó là một xã hội có kỷ cương, đạo đức, văn minh trong đó người với người là bạn bè, đồng chí, anh em, mọi người được phát triển hết khả năng của mình; hòa bình hữu nghị, làm bạn với các nước; một xã hội do nhân dân lao động làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng chủ nghĩa xã hội chính là xây dựng tiềm lực phát triển của dân tộc trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Với các thiết chế đó và nền tảng tinh thần riêng có, chủ nghĩa xã hội có khả năng vận động liên tục, tự bảo vệ vững chắc các thành quả cách mạng của nhân dân. Trên phạm vi quốc tế, chủ nghĩa xã hội lớn mạnh sẽ có sức hấp dẫn thu hút các dân tộc, đặc biệt các dân tộc chậm phát triển đi theo con đường chủ nghĩa xã hội; mặt khác chủ nghĩa xã hội sẽ là bệ đỡ của hoà bình thế giới, hạn chế và ngăn chặn các cuộc chiến tranh đế quốc, chiến tranh xâm lược, xoá bỏ tình trạng dân tộc này đi áp bức dân tộc khác.

Hồ Chí Minh chỉ rõ, chủ nghĩa xã hội càng phát triển, càng đạt đến độ chín muồi thì các tiềm lực, nhất là tiềm lực vật chất kỹ thuật của dân tộc càng mạnh, đất nước càng có điều kiện củng cố độc lập của mình, tăng cường khả năng phòng thủ. Không có một chế độ xã hội nào có thể đảm bảo vững chắc độc lập dân tộc bằng chủ nghĩa xã hội. Trong toàn bộ cấu trúc nội tại của mình, chủ nghĩa xã hội thể hiện khả năng tự bảo vệ và biết cách bảo vệ.

Hồ Chí Minh khẳng định, trong chủ nghĩa xã hội, nhân dân lao động là người chủ duy nhất. Đó là sự khác biệt về chất giữa chủ nghĩa xã hội với các chế độ xã hội trước đó. Chế độ dân chủ là chế độ do nhân dân làm chủ, dân chủ là vấn đề thuộc bản chất của nhà nước ta. Theo Hồ Chí Minh, dân chủ xã hội chủ nghĩa phải được phát huy trên tất cả các lĩnh vực, phải được thể chế hoá bằng pháp luật, được hoàn thiện, nâng cao trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội và nâng cao dân trí. Đây là điều kiện cơ bản và quyết định vận mệnh của dân tộc, tạo ra sức đề kháng trên phạm vi xã hội, loại trừ và có khả năng chống trả bất kỳ một hành động nào đe dọa độc lập, tự do của dân tộc. Thực hiện được một xã hội như vậy thì độc lập dân tộc mới thực sự vững chắc, sự nghiệp giải phóng dân tộc mới thắng lợi một cách hoàn toàn và triệt để.

2. Những điều kiện bảo đảm cho độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong quá trình cách mạng Việt Nam

Độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một tất yếu lịch sử. Nhưng để hiện thực hóa tính tất yếu này, theo Hồ Chí Minh cần phải có những điều kiện cơ bản sau đây:

Trước hết, Hồ Chí Minh khẳng định, xác lập, tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng Cộng sản là điều kiện cơ bản để độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản thì cách mạng Việt Nam không thể vận động theo cách mạng vô sản và chắc chắn sự nghiệp độc lập dân tộc sẽ đi theo vết xe đổ của các phong trào cứu nước trước đó. Một khi Đảng Cộng sản đánh mất vai trò lãnh đạo thì chế độ xã hội chủ nghĩa sẽ sụp đổ, cách mạng bị phản bội và hoàn toàn chệch hướng. Thực tiễn ở Liên Xô và các nước Đông Âu, đầu những năm 90 của thế kỷ XX đã chứng tỏ điều đó.

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, với tư cách là điều kiện cơ bản bảo đảm để độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản được thể hiện trên các mặt chủ yếu sau đây:

- Hoạch định cương lĩnh, đường lối, chủ trương để đưa sự nghiệp của dân tộc phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Lãnh đạo xã hội, trước hết là lãnh đạo nhà nước thực hiện thắng lợi cương lĩnh độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội bằng cách thông qua tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên của mình.

- Thông qua công tác kiểm tra, kể cả kiểm tra trong nội bộ Đảng và lãnh đạo công tác kiểm tra trong các tổ chức của hệ thống chính trị để lãnh đạo toàn dân giành độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh chỉ rõ vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam mang tính khách quan. Để hoàn thành sứ mệnh của mình, Đảng phải trong sạch, vững mạnh và thường xuyên chỉnh đốn để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, đủ trí tuệ, đủ bản lĩnh vượt qua những thử thách gay gắt nhất, phải thực hiện xây dựng Đảng về mọi mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, trong đó công tác cán bộ bao giờ cũng là vấn đề cốt tử.

Hai là, xây dựng, củng cố và tăng cường khối liên minh giai cấp công nhân, nông dân và trí thức làm nền tảng khối đại đoàn kết dân tộc.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về lực lượng cách mạng Việt Nam trong quá trình thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội là hết sức sáng tạo. Người xác định: công - nông là gốc, là chủ lực của cách mạng, các giai tầng, cá nhân yêu nước là bầu bạn của cách mạng. Khi đất nước bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội Người đòi hỏi công nông trí thức đoàn kết lại. Tất cả được tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

Hồ Chí Minh cho rằng trong cách mạng dân tộc dân chủ cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa đều cần đến và không thể thiếu được Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận được xây dựng theo tư tưởng Hồ Chí Minh có hạt nhân cốt lõi là liên minh công - nông và trí thức để đoàn kết toàn dân thành một khối. Hạt nhân và toàn dân là mối quan hệ biện chứng được Hồ Chí Minh quan tâm đúng mức cả hai, không coi nhẹ hoặc thiên lệch bên nào. Mặt trận đó được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ba là, Hồ Chí Minh chỉ rõ Việt Nam là một bộ phận của thế giới, cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới liên hệ chặt chẽ với nhau. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn có những chủ trương, đường lối và biện pháp phù hợp để tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng cách mạng, hoà bình dân chủ trên thế giới. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam Tháng Tám 1945, trong những năm chống Pháp, chống Mỹ, trong thời kỳ hoà bình, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều không tách rời sự ủng hộ, giúp đỡ quốc tế.

Ba nhân tố nêu trên gắn bó chặt chẽ với nhau tạo nên sức mạnh tổng hợp quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh kết luận: “Đó là ba bài học lớn mà mỗi cán bộ và đảng viên ta cần ghi sâu vào lòng và phát huy thêm mãi”(3).

Như vậy, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan. Tính tất yếu đó chỉ được hiện thực hoá khi gắn liền với những điều kiện bảo đảm, trong đó yếu tố quan trọng nhất là xác lập và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Sự thể hiện trên thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ra đời và phát triển ở thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới. Tư tưởng đó hình thành ở Hồ Chí Minh từ đầu những năm 20 và đến mùa xuân năm 1930 với sự kiện Hồ Chí Minh sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam thì con đường cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã thành ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và toàn thể dân tộc Việt Nam liên tục giành những thắng lợi lịch sử suốt hơn 70 năm qua. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được thể hiện trên thực tế, có thể chia ra làm ba thời kỳ.

3.1. Thời kỳ 1930-1945: ở thời kỳ này tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được thể hiện qua những hoạt động lý luận và thực tế chủ yếu sau đây của Hồ Chí Minh:

- Xác định tính chất cách mạng Việt Nam: giải phóng dân tộc bằng con đường cách mạng vô sản, gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, nhân dân lao động, với toàn thể dân tộc bị nô lệ dưới ách đế quốc Pháp và tay sai của chúng; xác định nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng Việt Nam “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Con đường cách mạng Việt Nam được Hồ Chí Minh thể hiện rõ nét trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

- Xác định đối tượng đấu tranh của cách mạng Việt Nam là đế quốc xâm lược, phong kiến tay sai, tầng lớp tư sản và địa chủ chống lại độc lập dân tộc.

- Xác định rõ lực lượng cách mạng Việt Nam là toàn thể nhân dân, bao gồm công nhân, nông dân, tầng lớp tiểu tư sản, tư sản dân tộc, trung, tiểu địa chủ, các cá nhân yêu nước, trong đó nòng cốt là liên minh công - nông. Lực lượng cách mạng hùng hậu này được tập hợp dưới ngọn cờ giải phóng dân tộc do đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

- Xác định đúng đắn cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, có mối quan hệ khăng khít với cách mạng vô sản “chính quốc”, cách mạng giải phóng dân tộc có tính chủ động, có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản “chính quốc", tác động tích cực tới cách mạng “chính quốc".

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Hồ Chí Minh, Cách mạng Tháng Tám 1945 đã giành thắng lợi. Đó là thắng lợi lịch sử đầu tiên của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc thuộc phạm trù cách mạng vô sản. Thắng lợi này đã mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

3.2. Thời kỳ 1945-1954: thời kỳ bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng những cơ sở đầu tiên của chủ nghĩa xã hội, thực hiện “kháng chiến và kiến quốc”.

Ở thời kỳ này Hồ Chí Minh tiếp tục bổ sung, phát triển những quan điểm lý luận về con đường cách mạng Việt Nam. Nội hàm khái niệm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chế độ dân chủ mới đã được Hồ Chí Minh làm rõ bằng cách xác định mục tiêu, động lực, các điều kiện bảo đảm thắng lợi của từng giai đoạn cách mạng, trong mỗi giai đoạn đều kết hợp giải quyết các nhiệm vụ dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, tạo tiền đề đẩy cách mạng phát triển lên giai đoạn cao hơn nhưng cũng khó khăn phức tạp hơn. Để thực hiện mục tiêu cách mạng, Hồ Chí Minh kiên trì quan điểm phát huy cao độ ý thức độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đi đôi với ra sức tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế.

Nét độc đáo, đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam ở thời kỳ này là Người đã đề ra và thực thi nhất quán đường lối “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”. Đường lối đó phù hợp với quy luật phát triển lịch sử dân tộc: dựng nước đi đôi với giữ nước, bảo vệ độc lập của Tổ quốc và xây dựng từng bước chế độ mới.

Trong hoàn cảnh hiểm nghèo, Hồ Chí Minh đã vận dụng một cách linh hoạt, mềm dẻo phương pháp “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc, phân hoá, cô lập kẻ thù, tăng cường sức mạnh đoàn kết toàn dân, tranh thủ được sự giúp đỡ, ủng hộ của quốc tế. Tài thao lược, bản lĩnh kiên cường, khả năng quyết đoán của Hồ Chí Minh dựa trên sự hiểu biết thấu đáo thực tiễn đất nước, quy luật và xu thế phát triển của dân tộc, thời đại, vững vàng lái con thuyền cách mạng Việt Nam đến bến bờ thắng lợi huy hoàng.

3.3. Thời kỳ 1954-1975: thời kỳ Hồ Chí Minh tiếp tục hoàn thiện, bổ sung, phát triển tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới. Ở thời kỳ này sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh thể hiện tập trung trong việc xây dựng và chỉ đạo đường lối tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Quan điểm, tư tưởng nêu trên được thể hiện ở các nội dung chính sau đây:

- Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng đắn thành công mối quan hệ giữa cách mạng hai miền. Trong mối quan hệ này, Hồ Chí Minh xác định rất rõ vị trí, vai trò nhiệm vụ cách mạng từng miền và tác động lẫn nhau của chúng. Về thực chất, đây là sự cụ thể hoá nội dung con đường cách mạng vô sản, sự gắn bó chặt chẽ giữa nhiệm vụ dân tộc, dân chủ với chủ nghĩa xã hội - con đường mà Hồ Chí Minh đã đề xuất và kiên trì bảo vệ.

- Hồ Chí Minh tiếp tục hoàn chỉnh và phát triển lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc, xác định rõ kẻ thù số một mà dân tộc ta cần tập trung mọi lực lượng để đánh đổ là đế quốc Mỹ. Hồ Chí Minh nêu tư tưởng “không có gì quý hơn độc lập tự do” thể hiện ý chí, quyết tâm lớn lao của cả dân tộc trong việc bảo vệ giá trị thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Về tập hợp lực lượng, Hồ Chí Minh có những quan niệm và cách làm sáng tạo, trên cơ sở đánh giá đúng vị trí, vai trò của chiến lược đại đoàn kết trong chiến tranh cách mạng. Hồ Chí Minh đã xây dựng cho cách mạng Việt Nam cái nền sức mạnh của “ba tầng mặt trận”: Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam chống Mỹ, cứu nước; Mặt trận ba nước Đông Dương cùng chống Mỹ; Mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Mỹ. Sức mạnh của “ba tầng mặt trận" đã tạo cho cách mạng Việt Nam trở thành vô địch.

- Hồ Chí Minh tiếp tục hoàn thiện lý luận cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh đã xây dựng một quan niệm tương đối hoàn chỉnh, thống nhất về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Quan niệm của Hồ Chí Minh chủ nghĩa xã hội mang tính hệ thống, có nhiều nội dung phát triển sáng tạo, nhưng vẫn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh đã làm rõ đặc điểm lớn nhất của Việt Nam khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mối quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi một nước. Đặc biệt, Hồ Chí Minh đã có những chỉ dẫn khoa học về những cách thức, phương thức, biện pháp, bước đi thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. Biến đau thương thành hành động cách mạng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quán triệt sâu sắc quan điểm của Người tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, giải phóng miền Nam thống nhất tổ quốc. Thông qua chiến dịch mang tên Hồ Chí Minh, sự nghiệp cách mạng đó đã giành thắng lợi trọn vẹn vào ngày 30-4-1975.

III- VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

1. Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV - đại hội thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội đã khẳng định: "Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, khi cả nước làm một nhiệm vụ chiến lược hoặc làm hai nhiệm vụ chiến lược, Đảng ta từ khi ra đời đến nay vẫn luôn luôn giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đó là đường lối, là sức mạnh, là nguồn gốc mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam". Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội VII thông qua đã khẳng định trong thời kỳ đổi mới: "Toàn Đảng, toàn dân tiếp tục nắm vững ngọn cờ độc lập, dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và thế hệ mai sau”.

Hiện nay, cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam vẫn đang tiếp diễn. Đảng ta khẳng định: "Trong giai đoạn đổi mới, phải giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”(4). Trong bất kỳ tình huống nào cũng phải thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong quan hệ quốc tế phức tạp, chằng chéo như hiện nay, để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta, đòi hỏi phải có nhận thức sâu sắc các yếu tố tác động đến độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Chiến tranh lạnh trên thế giới kết thúc, hoà bình, hợp tác phát triển là xu thế chung, nhưng cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp vẫn diễn biến phức tạp, gay gắt. Nguy cơ xung đột vũ trang và chiến tranh cục bộ vẫn chưa bị loại trừ; mâu thuẫn dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ nổ ra ở nhiều nơi và gây mất ổn định nhiều khu vực. Chủ nghĩa đế quốc đang lợi dụng ưu thế về kinh tế và kỹ thuật, nhân danh chống khủng bố, để thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình” can thiệp vào công việc nội bộ các nước, buộc các nước xã hội chủ nghĩa, các nước đang phát triển đi vào quỹ đạo của chúng. Hiện nay giao lưu kinh tế, giao lưu văn hoá giữa các dân tộc tăng lên. Trong khi giao lưu văn hoá phát triển mạnh mẽ, thì các nước đang phát triển cũng đứng trước sự “xâm lăng văn hoá” từ phía các nước đế quốc. Trong bối cảnh hiện nay, quan niệm về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội phải được chú ý toàn diện từ độc lập về lãnh thổ, về chủ quyền an ninh quốc gia đến độc lập, tự do về kinh tế, chính trị, văn hóa, lối sống và đạo đức xã hội. Không thể có và không thể chấp nhận quan niệm nhân quyền cao hơn chủ quyền quốc gia. Việc rêu rao nhân quyền của các nước tư bản, trước hết là Mỹ, thực chất là một hình thức mỵ dân, lấy cớ nhân quyền đề can thiệp vào công việc nội bộ nước khác. Không thể có độc lập tự do về chính trị nếu bị lệ thuộc về kinh tế. Không thể giữ vững độc lập tự chủ nếu lối sống, đạo đức xã hội bị suy thoái, văn hoá dân tộc bị coi rẻ hoặc bị biến dạng. Để thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược hiện nay cần chú ý một số nguyên tắc có tính chất phương pháp luận:g lệ thuộc vào bên ngoài, nhưng phải biết tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi để gia tăng nguồn lực phát triển quốc gia. Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại theo tư tưởng Hồ Chí Minh để thực hiện thành công hai nhiệm vụ chiến lược.

- Trên cơ sở nhận thức toàn cầu hoá, khu vực hoá và kinh tế là một tất yếu khách quan, từ đó xác định rõ các bước đi và chủ động hội nhập phù hợp với năng lực của đất nước. Hội nhập phải làm tăng sức mạnh đất nước và làm giàu bản sắc dân tộc.

- Độc lập dân tộc gắn bó chặt chẽ với chủ nghĩa xã hội phải được thể hiện trong suốt quá trình cách mạng trên mọi lĩnh vực của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong tiến trình đổi mới

Ngày nay, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội chỉ có thể có được nếu Đảng và nhân dân ta giải quyết thành công hàng loạt vấn đề trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, đối nội và đối ngoại theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trung thành với con đường Hồ Chí Minh đã vạch ra. Đảng ta khẳng định trong bất kỳ tình huống nào, cũng phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đề phòng và chống nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, đang xuất hiện nhiều vấn đề lý luận nằm trong tổng thể quan niệm chung về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nhu cầu phát triển đất nước đang đặt ra, đòi lại phải nhận diện và hiểu biết về chủ nghĩa xã hội vừa mang tính tổng thể, vừa trong những chi tiết, đường nét cụ thể. Do vậy, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trước hết cần làm sáng tỏ các vấn đề cơ bản sau:

- Cả trong lý luận và thực tiễn cần khẳng định vấn đề định hướng đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội là duy nhất đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của dân tộc và xu thế thời đại.

- Làm rõ và cụ thể hoá mục tiêu của đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội, trước hết là ở mục tiêu mang đậm bản chất nhân văn này.

- Xác định rõ bản chất đặc trưng và mô hình cấu trúc của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Làm rõ các động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội, trong đó động lực con người với nhu cầu và lợi ích của họ giữ vị trí trung tâm. Mặt khác việc phát hiện động lực, có chính sách phát huy và kết hợp các động lực phát triển sẽ làm cho chủ nghĩa xã hội sinh động, năng động và mang tính thực tiễn.

- Xác định rõ bước đi và cách làm chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay con đường cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đang bị chi phối, tác động mạnh mẽ của rất nhiều yếu tố khách quan và chủ quan; thách thức rất lớn, nhưng cũng rất nhiều thời cơ, vận hội. Trên cơ sở quan niệm đúng đắn của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lại có kinh nghiệm thực tiễn hơn 70 năm qua, đặc biệt là thực tiễn của gần 20 năm đổi mới, cho phép chúng ta hiểu được thực chất con đường độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh hiện nay. Độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội là nhu cầu sống còn, là sự lựa chọn duy nhất đúng của Việt Nam.

2/ Qđ về xd nhà nước? Cơ sở qđ

Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động

Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh chú ý khảo cứu lựa chọn ra một kiểu nhà nước mới cho Việt Nam để xây dựng sau khi cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản thành công. Nhà nước đó phải đại biểu quyền lợi "cho số đông người" và Hồ Chí Minh đã chủ trương xây dựng một Nhà nước công nông binh thể hiện trong Chánh cương vắn tắtcủa Đảng khi thành lập Đảng đầu năm 1930. Trải qua thực tế các cao trào cách mạng ở Việt Nam, về sau, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng ở Việt Nam một nhà nước Dân chủ Cộng hòa, một nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước của dân, do dân, vì dân. Trong bài báo Dân vận (năm 1949), Hồ Chí Minh khẳng định: Nước ta là nước dânchủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là côngviệccủa dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ởnơi dân.

Quan điểm về nhà nước của dân, do dân, vì dân, chúng ta thấy trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện ở những nội dung cơ bản sau đây:

Nhà nước của dân

Quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh là xác lập tất cả mọi quyền lực trongnhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Trong 24 năm làm Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo soạn thảo hai bản Hiến pháp, đó là Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959. Quan điểm trên của Người được thể hiện trong các bản Hiến pháp đó. Chẳng hạn, Hiến pháp năm 1946 nêu rõ: tất cả quyền bính trong nước đều là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo; những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra toàn dân phúc quyết.

Nhân dân lao động làm chủ Nhà nước thì dẫn đến một hệ quả là nhân dân có quyền kiểm soát Nhà nước, cử tri bầu ra các đại biểu, ủy quyền cho các đại biểu đó bàn và quyết định những vấn đề quốc kế dân sinh. Đây thuộc về chế độ dân chủ đại diện bên cạnh chế độ dân chủ trực tiếp. Quyền làm chủ và đồng thời cũng là quyền kiểm soát của nhân dân thể hiện ở chỗ nhân dân có quyền bãi miễn những đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nào nếu những đại biểu đó tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Hồ Chí Minh đã nêu lên quan điểm dân là chủ và dân làm chủ. Dân là chủ có nghĩa là xác định vị thế của dân, còn dân làm chủ có nghĩa là xác định quyền, nghĩa vụ của dân. Trong nhà nước của dân, với ý nghĩa đó, người dân được hưởng mọi quyền dân chủ. Bằng thiết chế dân chủ, nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm quyền làm chủ của dân, để cho nhân dân thực thi quyền làm chủ của mình trong hệ thống quyền lực của xã hội. Quyền lực của nhân dân được đặt ở vị trí tối thượng. Điều này có ý nghĩa thực tế nhắc nhở những người lãnh đạo, những đại biểu của nhân dân làm đúng chức trách và vị thế của mình, không phải là đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân, "cậy thế" với dân, "quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân". Một nhà nước như thế là một nhà nước tiến bộ trong bước đường phát triển của nhân loại. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh khai sinh ngày 2-9-1945 chính là Nhà nước tiến bộ chưa từng có trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam bởi vì Nhà nước đó là nhà nước của dân, nhân dân có vai trò quyết định mọi công việc của đất nước.

Nhà nước do dân

Nhà nước do dân lập nên, do dân ủng hộ, dân làm chủ. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh nhiệm vụ của những người cách mạng là phải làm cho dân hiểu, làm cho dân giác ngộ để nâng cao được trách nhiệm làm chủ, nâng cao được ý thức trách nhiệm chăm lo xây dựng nhà nước của mình. Hồ Chí Minh khẳng định: việc nước là việc chung, mỗi người đều phải có trách nhiệm "ghé vai gánh vác một phần". Quyền lợi, quyền hạn bao giờ cũng đi đôi với trách nhiệm, nghĩa vụ.

Nhà nước vì dân

Nhà nước vì dân là một nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân, ngoài ra không có bất cứ một lợi ích nào khác. Đó là một nhà nước trong sạch, không có bất kỳ một đặc quyền, đặc lợi nào. Trên tinh thần đó Hồ Chí Minh nhấn mạnh: mọi đường lối, chính sách đều chỉ nhằm đưa lại quyền lợi cho dân; việc gì có lợi cho dân dù nhỏ cũng cố gắng làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ cũng cố gắng tránh. Dân là gốc của nước. Hồ Chí Minh luôn luôn tâm niệm: phải làm cho dân có ăn, phải làm cho dân có mặc, phải làm cho dân có chỗ ở, phải làm cho dân được học hành. Cả cuộc đời Người "chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân". Hồ Chí Minh viết: "khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, ủy thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhẫn nhục cố gắng - cũng vì mục đích đó"

. Sđd, t.4, tr. 240.

. Một Nhà nước vì dân, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là từ chủ tịch nước đến công chức bình thường đều phải làm công bộc, làm đày tớ cho nhân dân chứ không phải "làm quan cách mạng" để "đè đầu cưỡi cổ nhân dân" như dưới thời đế quốc thực dân. Ngay như chức vụ Chủ tịch nước của mình, Hồ Chí Minh cũng quan niệm là do dân ủy tháccho và như vậy phải phục vụ nhân dân, tức là làm đày tớ cho nhân dân. Hồ Chí Minh nói: "Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui... Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi"

. Sđd, t. 4, tr. 161.

.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Nhà nước là một phạm trù lịch sử, nó chỉ ra đời và tồn tại khi giai cấp và đấu tranh giai cấp xuất hiện, do đó, nhà nước là sản phẩm của một xã hội có giai cấp, nó bao giờ cũng mang bản chất một giai cấp nhất định, không có một nhà nước nào là phi giai cấp, không có nhà nước đứng trên giai cấp. Như vậy không phải lịch sử nhân loại xuất hiện là có nhà nước ngay và nhà nước không phải tồn tại mãi mãi. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước ta được coi là Nhà nước của dân, do dân, vì dân nhưng bản chất giai cấp của Nhà nước ta là bản chất giai cấp công nhân. Vì:

Một là, Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Điều này được thể hiện:

- Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân. Việc xác định bản chất giai cấp công nhân của nhà nước là một vấn đề rất cơ bản của Hiến pháp. Lời nói đầu của bản Hiến pháp năm 1959 khẳng định: Nhà nước ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo. Trong quan điểm cơ bản xây dựng một Nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, một nhà nước thể hiện tính chất nhân dân rộng rãi, Hồ Chí Minh vẫn nhấn mạnh nòng cốt của nhân dân là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và trí thức do giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng phương thức thích hợp. Nói đến phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là nói đến cách lãnh đạo cho phù hợp với từng thời kỳ. Trong thời kỳ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch nước, đất nước ta phải vừa tiến hành kháng chiến chống giặc ngoại xâm, giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, vừa lãnh đạo nhân dân xây dựng chế độ mới. Do đó, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ta thời kỳ đó không giống với những thời kỳ sau này. Song, trong tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn có những vấn đề cơ bản về phương thức lãnh đạo của Đảng chung cho các thời kỳ. Đó là:

\* Đảng lãnh đạo bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chính sách, kế hoạch.

\* Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước.

\* Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng công tác kiểm tra.

Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước ta thể hiện ở tính định hướng xã hội chủnghĩa của sự phát triển của đất nước. Điều này đã được thể hiện ngay từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời ngày 2-9-1945 trong bản Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh.

Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ. Hồ Chí Minh rất chú ý đến tính dân chủ trong tổ chức và hoạt động của tất cả bộ máy, cơ quan nhà nước, nhấn mạnh đến việc phát huy cao độ dân chủ, đồng thời phát huy cao độ tập trung. Nhà nước phải tập trung thống nhất quyền lực để tất cả mọi quyền lực vào tay nhân dân.

Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc

Hồ Chí Minh là người giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa các vấn đề giai cấp - dân tộc trong xây dựng Nhà nước Việt Nam mới. Hồ Chí Minh đã giải quyết hài hòa, thống nhất giữa bản chất giai cấp với tính nhân dân, tính dân tộc và được biểu hiện rõ trong những quan điểm sau:

- Nhà nước ta ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam từ quá trình dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX dân tộc Việt Nam rơi vào khủng hoảng đường lối cách mạng. Trong cuộc đấu tranh trường kỳ chống thực dân Pháp của dân tộc ta, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của các nhà cách mạng tiền bối rất oanh liệt tô thắm cho truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc nhưng độc lập, tự do cho dân tộc vẫn chưa trở thành hiện thực. Từ ngày 3-2-1930 Đảng ta ra đời thì sự lớn mạnh của giai cấp công nhân với đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam đã vượt qua được tất cả các hạn chế và đã lãnh đạo thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 đấu tranh giành chính quyền, lập nên Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

- Tính thống nhất của nó còn biểu hiện ở chỗ Nhà nước ta bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc làm cơ bản. Bản chất của vấn đề này là ở chỗ, Hồ Chí Minh khẳng định lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của toàn dân tộc là một. Nhà nước ta không những thể hiện ý chí của giai cấp công nhân mà còn thể hiện ý chí của nhân dân và của toàn dân tộc.

- Trong thực tế, Nhà nước ta đã đứng ra làm nhiệm vụ của cả dân tộc giao phó, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội rồi đi tới chủ nghĩa cộng sản là con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định cũng là sự nghiệp của chính Nhà nước ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về một Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

Hồ Chí Minh đã sớm thấy được tầm quan trọng của pháp luật trong quản lý xã hội. Điều này thể hiện trong bản Yêu sách của nhân dân An Nam do Người ký tên là Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxây (Pháp) năm 1919. Sau này, khi trở thành người đứng đầu Nhà nước Việt Nam mới, Hồ Chí Minh càng quan tâm sâu sắc hơn việc xây dựng và điều hành nhà nước một cách có hiệu quả bằng pháp quyền. Một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ được Hồ Chí Minh chú ý xây dựng thể hiện trên những điểm sau đây:

Xây dựng một Nhà nước hợp hiến

Chỉ một ngày sau khi đọc bản Tuyên ngôn độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh đã đề nghị tổ chức tổng tuyển cử càng sớm càng tốt để lập Quốc hội rồi từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy chính thức khác của Nhà nước mới.

Cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi ngày 6-1-1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu và lần đầu tiên trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam cũng như lần đầu tiên ở Đông Nam châu Á, tất cả mọi người dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, đảng phái, tôn giáo... đều đi bỏ phiếu bầu những đại biểu của mình vào trong Quốc hội. Ngày 2 - 3 - 1946, Quốc hội Khóa I đã họp Phiên đầu tiên lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây chính là Chính phủ có đầy đủ giá trị pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.

Quản lý nhà nước bằng pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống

Quản lý nhà nước là quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhau nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng hệ thống luật, trong đó quan trọng bậc nhất là Hiến pháp - đạo luật cơ bản của nước nhà. Các bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959 đã để lại dấu ấn đậm nét những quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất, thiết chế và hoạt động của Nhà nước mới. Từ năm 1919, Hồ Chí Minh đã đề cập vấn đề "thần linh pháp quyền" trong đời sống xã hội hiện đại. Có Hiến pháp và pháp luật nhưng không đưa được vào trong cuộc sống thì xã hội cũng sẽ bị rối loạn. Dân chủ đích thực bao giờ cũng đi liền với kỷ cương, phép nước, tức là đi liền với thực thi Hiến pháp và pháp luật. Suốt cả thời kỳ giữ trọng trách Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa để bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân. Chính bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Người tự giác khép mình vào kỷ luật, vào việc gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Sống và làm việc theo pháp luật đã trở thành nền nếp, thành thói quen, thành lối ứng xử tự nhiên của Hồ Chí Minh.

"Thần linh pháp quyền" là sức mạnh do con người và vì con người. Do vậy, Hồ Chí Minh bao giờ cũng đòi hỏi mọi người phải hiểu và tuyệt đối chấp hành pháp luật, bất kể người đó giữ cương vị nào. Người cho rằng công tác giáo dục pháp luật cho mọi người, đặc biệt cho thế hệ trẻ, trở nên cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng một nhà nước pháp quyền, bảo đảm mọi quyền và nghĩa vụ công dân được thực thi trong cuộc sống. Trong việc thực thi pháp luật, có quan hệ rất lớn tới trình độ dân trí của nhân dân, vì vậy, Hồ Chí Minh chú trọng tới vấn đề nâng cao dân trí, phát huy tính tích cực chính trị của nhân dân, làm cho nhân dân có ý thức chính trị trong việc tham gia công việc của chính quyền các cấp. Làm tốt nghĩa vụ công dân cũng tức là thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước, biết thực hành dân chủ.

Tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của Nhà nước đủ đức và tài

Để xây dựng một Nhà nước pháp quyền vững mạnh, vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Nói một cách tổng quát nhất về yêu cầu đối với đội ngũ này là vừa có đức vừa có tài, trong đó đức là gốc; đội ngũ này phải được tổ chức hợp lý, có hiệu quả.

Đi vào những mặt cụ thể, chúng ta thấy Hồ Chí Minh nêu lên những yêu cầu sau đây về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức:

Một là: Tuyệt đối trung thành với cách mạng. Đây là yêu cầu đầu tiên cần có đối với đội ngũ này. Cán bộ, công chức phải là những người kiên cường bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhà nước. Hồ Chí Minh nhấn mạnh lòng trung thành đó phải được thể hiện hàng ngày, hàng giờ, trong mọi lĩnh vực công tác.

Hai là: Hăng hái, thành thạo công việc, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ. Chỉ với lòng nhiệt tình không thôi thì chưa đủ và cùng lắm chỉ phá được cái xấu, cái cũ mà không xây được cái tốt, cái mới. Yêu cầu tối thiểu là đội ngũ này phải hiểu biết công việc của mình, biết quản lý Nhà nước, do vậy, phải được đào tạo và tự mình phải luôn luôn học hỏi. Hồ Chí Minh là người mạnh dạn sử dụng những công chức của chế độ cũ phục vụ cho chính quyền cách mạng và nhiều người trong số họ đã trở thành những người có công lớn đối với chế độ mới, đồng thời Người chú trọng đào tạo, bồi dưỡng những cán bộ, công chức mới. Hồ Chí Minh đã ký nhiều sắc lệnh về công chức, trong đó có những quy định cụ thể về tiêu chuẩn cán bộ tư pháp. Ngay trong thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 76 ban hành Quy chế công chức nêu rõ công chức là người giữ một nhiệm vụ cụ thể trong bộ máy nhà nước dưới sự lãnh đạo tối cao của Chính phủ. Sắc lệnh cũng nêu lên cách thức và nội dung thi tuyển để bổ nhiệm vào các ngạch, bậc hành chính trong bộ máy chính quyền.

Ba là: Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân. Hồ Chí Minh luôn luôn chủ trương xây dựng mối quan hệ bền chặt giữa đội ngũ cán bộ, công chức với nhân dân. Đội ngũ cán bộ, công chức là những người ăn lương từ nguồn ngân sách của Nhà nước mà nguồn ngân sách này do dân đóng góp. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh nhắc nhở mọi cán bộ, công chức không được lãng phí của công; phải sẵn sàng phục vụ nhân dân, luôn luôn nêu cao đạo đức cách mạng, sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân mình cho Tổ quốc, lấy phục vụ cho quyền lợi chính đáng của nhân dân làm mục tiêu cho hoạt động của mình. Đặc biệt, phải chống bệnh tham ô, lãng phí, quan liêu, phải luôn luôn gần dân, hiểu dân và vì dân. Cán bộ, công chức xa dân, quan liêu, hách dịch, cửa quyền...đối với nhân dân đều dẫn đến nguy cơ làm suy yếu Nhà nước, thậm chí làm biến chất Nhà nước ta.

Bốn là: Cán bộ, công chức phải là những người dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, "thắng không kiêu,bại không nản". Đó là những người có ý thức sẵn sàng làm "công bộc", làm "đày tớ" cho dân, những người cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, làm việc với tinh thần đầy sáng tạo. Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ, công chức phải luôn luôn tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, luôn luôn "có chí tiến thủ", luôn luôn học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt, học ở trường, học ở trong cuộc sống, trong công tác, học ở thầy, học ở bạn; phải thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước trong sạch vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước

Xây dựng một Nhà nước của dân, do dân, vì dân không bao giờ tách rời với việc làm cho Nhà nước luôn luôn trong sạch, vững mạnh. Điều này luôn luôn thường trực trong tâm trí và hành động của Hồ Chí Minh. Khi nước nhà vừa giành được độc lập, chính quyền cách mạng còn non trẻ cũng như lúc cách mạng chuyển giai đoạn, Hồ Chí Minh càng chú ý hơn bao giờ hết đến việc bảo đảm cho sự trong sạch, vững mạnh của các cấp chính quyền, bởi vì thường những lúc đó cách mạng đứng trước những thử thách rất gay gắt. Chỉ một tháng sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh gửi thư cho ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng nêu rõ sáu căn bệnh cần đề phòng: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo. Người nhắc nhở: "Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nên, ai không phạm những lầm lỗi trên này, thì nên chú ý tránh đi, và gắng sức cho thêm tiến bộ. Ai đã phạm những lầm lỗi trên này, thì phải hết sức sửa chữa; nếu không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung. Vì hạnh phúc của dân tộc, vì lợi ích của nước nhà, mà tôi phải nói. Chúng ta phải ghi sâu những chữ "công bình, chính trực" vào lòng"

. Sđd, t.4, tr. 58.

. Trong quá trình lãnh đạo xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh thường đề cập đến những tiêu cực sau đây và nhắc nhở mọi người đề phòng và khắc phục:

- Đặc quyền, đặc lợi. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh đòi hỏi phải tẩy trừ những thói cậy mình là người trong cơ quan chính quyền để cửa quyền, hách dịch với dân, lạm quyền, đồng thời để vơ vét tiền của, lợi dụng chức quyền để làm lợi cho cá nhân mình, làm như thế tức là sa vào chủ nghĩa cá nhân.

- Tham ô, lãng phí, quan liêu. Hồ Chí Minh coi tham ô, lãng phí, quan liêu là "giặc nội xâm", "giặc ở trong lòng", thứ giặc nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm. Người phê bình những người "lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức". Quan điểm của Hồ Chí Minh là: "Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là bạnđồng minh của thực dân và phong kiến...Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám"

. Sđd, t.6, tr. 490.

. Ngày 27-11-1946, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ với mức từ 5 năm đến 20 năm tù khổ sai và phải nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26-1-1946, Hồ Chí Minh ký lệnh nói rõ tội tham ô, trộm cắp của công là tội tử hình. Lãng phí là một căn bệnh mà Hồ Chí Minh lên án gay gắt và chính bản thân Người là tấm gương sáng trong việc tích cực thực hành chống lãng phí trong cuộc sống hàng ngày và trong công việc, vì Người biết quý từng đồng xu, bát gạo do dân đóng góp cho hoạt động của bộ máy nhà nước. Lãng phí ở đây được Hồ Chí Minh xác định là lãng phí sức lao động, lãng phí thời giờ, lãng phí tiền của. Liên quan đến bệnh tham ô, bệnh lãng phí là bệnh quan liêu, một căn bệnh không những có ở cấp Trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện mà còn có ở cả cấp cơ sở. Hồ Chí Minh phê bình những người và các cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không vào sâu vấn đề. Chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ không kiểmtra đến nơi đến chốn... thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững...Thế là bệnhquan liêu đã ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

- "Tư túng", "chia rẽ", "kiêu ngạo". Những hành động này gây mất đoàn kết, gây rối cho công tác. Hồ Chí Minh kịch liệt lên án tệ kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình, không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Quên rằng việc là việc công, chứ không phải việc riêng gì dòng họ của ai. Trong chính quyền, còn chia rẽ, không biết cách làm cho mọi người hòa thuận với nhau, còn có người "bênh vực lớp này, chống lại lớp khác". Ngoài cậy thế, có người còn kiêu ngạo, "tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi...Cử chỉ lúc nào cũng vác mặt quan cách mạng", làm mất uy tín của Chính phủ.

Tăng cường pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng

Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa quản lý xã hội bằng pháp luật với phát huy những truyền thống tốt đẹp trong đời sống cộng đồng người Việt Nam được hình thành qua hàng nghìn năm lịch sử. Trong việc thực thi quyền hạn và trách nhiệm của mình với cương vị là Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh bao giờ cũng thể hiện là một người sáng suốt, thống nhất hài hòa giữa lý trí và tình cảm, nghiêm khắc, bao dung, nhân ái nhưng không bao che cho những sai lầm, khuyết điểm của bất cứ ai. Kỷ cương, phép nước thời nào cũng cần và đều phải được áp dụng cho bất cứ ai. Do đó, Hồ Chí Minh yêu cầu pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh dùng sức mạnh uy tín của mình để cảm hóa những người có lỗi lầm, kéo họ đi với cách mạng, giáo dục những người mắc khuyết điểm để họ tránh phạm pháp. Dưới ngọn cờ đại nghĩa, bao dung của Hồ Chí Minh, nhiều người vốn rất mặc cảm với cách mạng đã không "sẩy chân" phạm pháp hoặc không đi theo kẻ địch.

2/ quan điểm hồ chí minh về đại đoàn kết dt

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Đại đoàn kết dân tộc là một giá trị tinh thần to lớn, một truyền thống cực kì quý báu của dân tộc ta, được hun đúc trong suốt mấy nghàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đoàn kết đã trở thành một động lực to lớn, một triết lý nhân sinh và hành động để dân tộc ta vượt qua bao biến cố, thăng trầm của thiên tai, địch họa, để tồn tại và phát triển bền vững. Trên cơ sở thực tiễn cách mạng Việt Nam và thực tiễn cách mạng thế giới đã sớm hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

Bác Hồ bắt nhịp bài ca Kết đoàn. Ảnh tư liệu

Với nhãn quan chính trị sắc bén, với tinh thần nhân văn cao cả, suốt cả cuộc đời, Hồ Chí Minh đã không ngừng xây dựng, hoàn thiện một hệ thống quan điểm về đại đoàn kết dân tộc, tích cực truyền bá tư tưởng đoàn kết trong toàn Đảng và các cấp chính quyền, trong các tầng lớp nhân dân, kể cả đồng bào Việt Nam ở xa Tổ quốc.

Một là, Hồ Chí Minh đưa ra quan niệm về đại đoàn kết, đại đoàn kết dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là một bộ phận quan trọng hợp thành trong hệ thống tư tưởng của Người về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Nghiên cứu toàn bộ di cảo của Người có thể nhận thấy cụm từ “đoàn kết” được Người nhắc tới hơn hai ngàn lần và cụm từ “đại đoàn kết” được Người nhắc tới hơn tám mươi lần, điều đó nói lên sự quan tâm đối với vấn đề đoàn kết ở mọi điều kiện, mọi hoàn cảnh của lịch sử, đồng thời tỏ rõ tầm chiến lược tư tưởng đoàn kết của Người. Đoàn kết có thể hiểu một cách đơn giản là sự tập hợp, kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung nào đó. Còn đại đoàn kết là đoàn kết rộng rãi tức muốn nhấn mạnh tới thành phần, quy mô, lực lượng của khối đoàn kết.

Hồ Chí Minh nói nhiều tới đoàn kết, đại đoàn kết, tuy nhiên chỉ một lần duy nhất Người định nghĩa về khái niệm đại đoàn kết: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, cái gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác” [1]. Tư tưởng về đại đoàn kết tiếp tục được Hồ Chí Minh cụ thể hóa hơn trong các cụm từ như: “đại đoàn kết toàn dân”, “đoàn kết toàn dân”, “đoàn kết dân tộc”, “toàn dân tộc ta đoàn kết”. Tuy cách diễn đạt có thể khác nhau, nhưng nội hàm của các khái niệm trên đều thống nhất khi khẳng định lực lượng của khối đại đoàn kết là của toàn thể nhân dân Việt Nam.

Như vậy, đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, đoàn kết mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay định cư ở nước ngoài thành một khối vững chắc trên cơ sở thống nhất về mục tiêu chung và những lợi ích căn bản.

Hai là, Hồ Chí Minh chỉ ra vai trò của đại đoàn kết dân tộc đối với cách mạng Việt Nam

Khi đề cập đến vị trí, vai trò của đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh khẳng định, đại đoàn kết dân tộc là một chiến lược cơ bản, nhất quán, lâu dài, là vấn đề sống còn, quyết định thành công của cách mạng. Đó là chiến lược tập hợp mọi lực lượng nhằm hình thành và phát triển sức mạnh to lớn của toàn dân trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù của dân tộc, của nhân dân. Theo Người, đoàn kết làm nên sức mạnh và là cội nguồn của mọi thành công: “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”; “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công” [2].

Đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng của Hồ Chí Minh không chỉ đơn giản là phương pháp tổ chức, tập hợp lực lượng, mà cao hơn là một bộ phận hữu cơ, một tư tưởng xuyên suốt trong đường lối chiến lược cách mạng, Người khẳng định: “Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị” [3]. Có thể nói đoàn kết dân tộc vừa là điều kiện tiên quyết, sống còn đối với sự nghiệp cách mạng, đồng thời là tôn chỉ, mục đích, là nhiệm vụ hàng đầu mà sự nghiệp cách mạng cần hướng và đạt tới.

Với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không phải là một chủ trương, một chiến lược xuất phát từ nguyện vọng, từ ý muốn chủ quan của lực lượng lãnh đạo mà là sự đúc kết những đòi hỏi khách quan của sự nghiệp cách mạng do quần chúng tiến hành. Nếu như xuất phát từ nhu cầu của lực lượng lãnh đạo cách mạng, đại đoàn kết dân tộc sẽ chỉ dừng lại là một thủ đoạn chính trị nhằm đạt được mục đích, một ý đồ nhất định. Ngược lại, nhìn nhận đoàn kết dân tộc như một đòi hỏi tự thân, khách quan của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng thì đại đoàn kết là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân. Do đó, trong tiến trình lãnh đạo cách mạng, Người yêu cầu không được có bất cứ lúc nào lơ là nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc không chỉ dừng lại trong nhận thức mà được cụ thể hóa trong mọi bước đi, giai đoạn phát triển của cách mạng, Người nói: “Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà” [4].

Sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước là một công việc hết sức hệ trọng, to lớn và vô cùng khó khăn. Nhiệm vụ đó chỉ có thể thành công khi quy tụ được sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc vì đoàn kết mới tạo nên sức mạnh, tạo nên lực lượng hùng hậu có thể đương đầu và chiến thắng kẻ thù. Thực tiễn cách mạng đã trả lời giữa đoàn kết và thành công có mối quan hệ chặt chẽ với nhau bởi phạm vi, mức độ, quy mô của thành công trước hết phụ thuộc vào chính quy mô và mức độ của khối đại đoàn kết. Là người lãnh đạo tối cao cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc đoàn kết không chỉ tạo nên sức mạnh mà là vấn đề có ý nghĩa quyết định tới việc sống còn, thành bại, được mất trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù. Để lý giải một nước Việt Nam nghèo nàn, lạc hậu lại có thể đương đầu và đánh bại một tên thực dân đầu sỏ có ưu thế tuyệt đối về vật chất, phương tiện chiến tranh, Người nói: “Toàn dân Việt Nam chỉ có một lòng: Quyết không làm nô lệ, Chỉ có một ý chí: Quyết không chịu mất nước, Chỉ có một mục đích: Quyết kháng chiến để tranh thủ thống nhất và độc lập cho tổ quốc. Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng vững chắc xung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn, xảo quyệt đến mức nào, đụng đầu nhằm bức tường đó, chúng cũng phải thất bại” [5]. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã trả lời, có đoàn kết mới có thắng lợi, càng gặp kẻ thù lớn, càng khó khăn gian khổ bao nhiêu lại cần phải đoàn kết chặt chẽ, rộng rãi và vững chắc bấy nhiêu. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Người đặc biệt quan tâm tới vấn đề đoàn kết vì đoàn kết là mấu chốt của thắng lợi và rút ra một bài học lớn đồng thời là quy luật mang tính sống còn của dân tộc Việt Nam: “Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn” [6].

Ba là, Hồ Chí Minh chỉ ra lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc là toàn dân trong đó lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nền tảng.

Kế thừa và nâng tầm tư duy chính trị truyền thống của cha ông: “Nước lấy dân làm gốc”; đồng thời thấm nhuần nguyên lý mác xít “Cách mạng là ngày hội của quần chúng”, Hồ Chí Minh đã tìm sức mạnh và cái cẩm nang thần kì của công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước ở lực lượng vô địch của nhân dân: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [7].Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dân, nhân dân có một nội hàm rất rộng. Người dùng các khái niệm này để chỉ tất cả mọi con dân của nước Việt Nam, những người được gọi là “con Lạc cháu Hồng”. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Người là đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các chính đảng, đoàn thể, các dân tộc, tôn giáo, kể cả những người trước đây lầm đường lạc lối nhưng đã biết hối cải, quay về với chính nghĩa của dân tộc. Đoàn kết trong tư tưởng của Người là đoàn kết rộng rãi, mở rộng và tranh thủ tất cả những lực lượng và bộ phận có thể tranh thủ. Nguyên tắc đoàn kết rộng rãi được dựa trên điểm tương đồng là: “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”. “Ai có tài, có sức, có đức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ” [8]...

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc phải trên cơ sở lấy lợi ích tối cao của dân tộc và quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động làm nền tảng, kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, bộ phận và toàn cục, giai cấp và dân tộc, quốc gia và quốc tế. Nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc tiếp tục được khẳng định: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác”, và sau này Người bổ sung thêm nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc là liên minh giữa công nhân, nông dân với trí thức: “Trong sự nghiệp cách mạng, trong sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa, lao động trí óc có một vai trò quan trọng và vẻ vang; và công, nông, trí cần phải đoàn kết chặt chẽ thành một khối” [9].

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh luôn có sự kết hợp hài hòa, quyện chặt và nhất quán giữa yếu tố dân tộc và yếu tố giai cấp. Đoàn kết dân tộc trên cơ sở lấy liên minh công nông làm gốc, không một lúc nào quên đi lợi ích giai cấp song Người cũng có một tư duy vượt trước khi khẳng định chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của cách mạng Việt Nam.

Theo Người, sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc chỉ được phát huy khi tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.Cả dân tộc hay toàn dân chỉ có thể tạo nên một sức mạnh to lớn, trở thành lực lượng vô địch khi được tổ chức thành một khối chặt chẽ, được giác ngộ sâu sắc về mục tiêu lý tưởng, được định hướng bởi một đường lối chính trị đúng đắn, nếu không thì dù quần chúng nhân dân có số đông tới hàng triệu người cũng chỉ là một số đông không có sức mạnh, rời rạc.

Ngay từ khi tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã rất lưu ý tới công tác tập hợp quần chúng, đưa họ vào những tổ chức yêu nước phù hợp với đặc điểm của từng giới, lứa tuổi, giai cấp, tôn giáo... Bao trùm tất cả là tư tưởng muốn thu nạp được đông đảo các tầng lớp nhân dân vào Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận cần thu nạp được đông đảo quần chúng nhân dân, những người ít nhiều có tinh thần yêu nước, Mặt trận cần là một tổ chức rộng rãi. Rộng rãi nhằm thực hiện đoàn kết được nhiều tổ chức, nhiều lực lượng không phân biệt giàu nghèo, đảng phái, xu hướng chính trị... Người nói: “Mặt trận bao gồm tất cả những người yêu nước, không phân biệt khuynh hướng chính trị, tín ngưỡng, tôn giáo, giai cấp xã hội, nam nữ và tuổi tác” [10]. Do đó Mặt trận không chỉ thu hút được mọi tầng lớp lao động nghèo khổ, bị áp bức, mà còn thu hút được cả tầng lớp trên không thuộc nhân dân lao động và một bộ phận phân hóa trong hàng ngũ của kẻ thù. Trong Mặt trận, xương sống và sức mạnh chủ yếu của khối đại đoàn kết là khối liên minh công nông làm nền tảng, Người nói: “Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất” [11].

Mối quan hệ giữa Mặt trận với liên minh công nông phản ánh về mặt tổ chức xã hội mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc và giai cấp. Trong đó, tách biệt hoặc nhấn mạnh một chiều vai trò của Mặt trận hoặc liên minh công nông đều không đúng với biện chứng của đời sống cách mạng, không đúng với nguyên tắc đoàn kết của Người. Tuyệt đối hóa vai trò, vị trí của liên minh công nông, hạ thấp vai trò của Mặt trận sẽ dẫn đến cực đoan, “tả khuynh” và bệnh cô lập, hẹp hòi. Ngược lại, nhấn mạnh, đề cao một chiều vai trò của Mặt trận, xem nhẹ liên minh công nông sẽ dẫn tới hữu khuynh, vô chính phủ. Người từng nói rằng: “Trong chính sách đoàn kết cần phải chống hai khuynh hướng sai lầm: cô độc, hẹp hòi và đoàn kết vô nguyên tắc” [12].

Trong lực lượng phong phú của Mặt trận, Đảng Cộng sản Việt Nam được xác định là một thành viên, bởi Đảng là bộ phận ưu tú nhất của giai cấp công nhân. Tuy nhiên, Đảng không phải là một thành viên bình thường, mà là người lãnh đạo của khối đại đoàn kết toàn dân. Một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Đảng là tuyên truyền, giáo dục để quần chúng giác ngộ sự cần thiết phải đoàn kết lại; chọn lựa những hình thức, phương pháp tổ chức thích hợp để có thể thu hút rộng rãi các lực lượng yêu nước, tiến bộ trong dân chúng; hướng dẫn khối đại đoàn kết toàn dân đấu tranh, lao động sáng tạo theo những mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với lợi ích thiêng liêng của dân tộc và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Người cũng nhấn mạnh quyền lãnh đạo Mặt trận không phải Đảng tự phong cho mình, mà phải được nhân dân thừa nhận: “Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo” [13].

Tóm lại, lực lượng góp thành sức mạnh của đại đoàn kết dân tộc là toàn dân, trong đó lấy liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm nền tảng được tập hợp trong một Mặt trận thống nhất đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực tiễn đã trả lời chỉ trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc này, đại đoàn kết dân tộc mới có sức sống bền vững và trường tồn.

Bốn là, Hồ Chí Minh chỉ ra phương thức thực hiện đại đoàn kết dân tộc.

Đại đoàn kết được xây dựng dựa trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc và những lợi ích chính đáng của nhân dân lao động.Thực tiễn lịch sử đã xác nhận, suy đến cùng, mối quan hệ giữa các tầng lớp nhân dân trở nên bền chặt hay không do chính vấn đề lợi ích quy định. Ngược lại nếu không thỏa mãn những vấn đề tối thiểu về lợi ích thì mọi khẩu hiệu về đoàn kết chỉ là những khẩu hiệu trống rỗng. Tuy nhiên, mối quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp luôn là vấn đề hết sức phức tạp, chồng chéo, luôn chứa đựng những yếu tố thống nhất, mâu thuẫn và không ngừng vận động biến đổi cùng với đời sống thực tiễn.

Là một đất nước có một cơ cấu xã hội - giai cấp phong phú mang nhiều nét đặc thù của một xã hội nửa thực dân phong kiến, Hồ Chí Minh hiểu sâu sắc về nhận thức, thái độ của mỗi tầng lớp nhân dân là hết sức khác nhau, Người nhận định: “Cố nhiên, dân chúng không nhất luật như nhau. Trong dân chúng, có nhiều tầng lớp khác nhau, trình độ khác nhau, ý kiến khác nhau. Có lớp tiền tiến, có lớp chừng chừng, có lớp lạc hậu” [14]. Do chính môi trường, hoàn cảnh sống khác nhau đó nên nhận thức và hành động không thể nhất quán, thậm chí có những xung đột về vấn đề lợi ích. Nhằm quy tụ sức mạnh của cả dân tộc hướng vào mục tiêu chung, tạo nên hợp lực trong công cuộc đấu tranh giải phóng đất nước, Hồ Chí Minh đã tìm kiếm, trân trọng và phát huy những yếu tố tương đồng, thống nhất để khắc chế, giải quyết các yếu tố khác biệt, mâu thuẫn. Yếu tố tương đồng để quy tụ sức mạnh của cả dân tộc phải phản ánh được khát vọng cháy bỏng của mọi người Việt Nam yêu nước, đó là tinh thần: “Hy sinh tiền bạc, thời gian và cả máu vì lợi ích các dân tộc bị áp bức; tóm lại, phải vị tha và không ích kỷ, phải tuân thủ theo phương châm “TỔ QUỐC TRÊN HẾT” ở mọi nơi và mọi lúc”[15].

Mẫu số chung của khối đại đoàn kết dân tộc, theo Người là chân lý: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Độc lập, tự do là nội dung cơ bản về quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của mỗi quốc gia dân tộc, của mỗi cá nhân, thành viên trong dân tộc đó. Quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc là thiêng liêng và bất khả xâm phạm của mỗi con người. Song, con người không bao giờ là một chủ thể tách biệt xã hội, con người luôn là con người xã hội và sống trong lòng mỗi quốc gia dân tộc cụ thể. Vì lẽ đó, quyền của con người luôn gắn liền với quyền của quốc gia, dân tộc. Con người chỉ có thể mưu cầu hạnh phúc cho chính mình, được sống và được tôn trọng phẩm giá khi quốc gia dân tộc độc lập, tự do. Như vậy, xác định mục tiêu phản ánh được lợi ích căn bản, cấp bách và nóng bỏng nhất của toàn thể dân tộc Việt Nam đang sống trong cảnh độc lập, tự do của Tổ quốc bị đe dọa là phương thức quan trọng để quy tụ sức mạnh toàn dân tộc của Người.

Không chỉ dừng lại ở những khẩu hiệu chung, đối với Người, độc lập dân tộc chỉ có giá trị khi gắn liền với tự do, hạnh phúc, với cơm no áo ấm của người dân lao động, Người nói: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lí gì” [16] và “Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ” [17]. Vì vậy, ngay trong những ngày đấu tranh gian khổ của nhân dân ta, Hồ Chí Minh rất chăm lo tới đời sống cho nhân dân với phương châm vừa kháng chiến vừa kiến quốc, từng bước nâng cao đời sống vật chất, quyền tự do dân chủ cho đông đảo nhân dân lao động. Người luôn phấn đấu làm cho dân thấy được giá trị và từng bước được hưởng quyền tự do dân chủ. Người đồng thời căn dặn, mọi đường lối chủ trương của chính quyền phải phản ánh được tâm tư nguyện vọng và lợi ích của quảng đại quần chúng nhân dân, chính quyền phải thật sự vì dân, phấn đấu cho quyền lợi của nhân dân: “Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh” [18]. Chỉ với thái độ như vậy mới thực sự lôi kéo, tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân, phát huy cao nhất sự chủ động sáng tạo của từng người, từng bộ phận, trên mọi lĩnh vực để đưa cách mạng tới thắng lợi.

Đại đoàn kết được xây dựng trên cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục đối với quần chúng nhân dân.Để tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh rất chú trọng tiến hành công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục quần chúng. Công tác tuyên truyền theo Người là một khoa học, nghệ thuật cách mạng, do vậy các tổ chức và cán bộ cách mạng phải không ngừng tìm tòi lựa chọn nội dung, hình thức phù hợp để chuyển tải đường lối của Đảng một cách sâu rộng tới nhân dân.

Muốn làm được điều đó, việc quan trọng hàng đầu đòi hỏi nội dung tuyên truyền, giáo dục, vận động phải phản ánh đúng những nguyện vọng sâu xa và những lợi ích cơ bản nhất của dân chúng. Ở đây có những quyền lợi, nguyện vọng chung có thể gắn kết mọi thành viên của dân tộc nhưng cũng có những nguyện vọng riêng phù hợp với một bộ phận dân chúng, giai cấp. Do đó, nội dung tuyên truyền, giáo dục cần phải đáp ứng được hai yêu cầu trên. Có được nội dung tuyên truyền, vận động đúng đắn là cần thiết, song hiệu quả tập hợp, đoàn kết lực lượng cách mạng còn phụ thuộc vào việc sử dụng các hình thức tuyên truyền, vận động sao cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể, và chính Người là một điển hình mẫu mực về việc sử dụng hiệu quả các hình thức tuyên truyền, vận động quần chúng.

Trong công tác tuyên truyền, giáo dục quần chúng, Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý giải quyết hai mối quan hệ có tính chất nền tảng, quyết định tới sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, đó là quan hệ giữa các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và quan hệ giữa các tôn giáo. Do những điều kiện lịch sử để lại cùng với âm mưu chia để trị của thực dân phong kiến, mối quan hệ giữa các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, mối quan hệ giữa miền ngược và miền xuôi, giữa đồng bào lương - giáo... có những rạn nứt, nghi hoặc. Người đã đấu tranh kiên trì, bền bỉ để xóa bỏ những hiềm khích, xây dựng khối đoàn kết giữa các dân tộc, trên cơ sở lợi ích chung thống nhất của quốc gia; đoàn kết gắn liền với thực hiện quan hệ dân tộc bình đẳng, tôn trọng, thương yêu và giúp đỡ nhau; đoàn kết trên cơ sở tôn trọng văn hóa, phong tục, tập quán của nhau, kiên quyết chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi: “Đảng và Chính phủ ta luôn luôn kêu gọi các dân tộc xóa bỏ xích mích do đế quốc và phong kiến gây ra, cùng nhau đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ” [19]. Trong giải quyết mối quan hệ giữa các tôn giáo, Người luôn nhấn mạnh đến những nét tương đồng, những mẫu số chung của những giá trị chân, thiện, mỹ để hạn chế, khắc phục những khác biệt, quy tụ khối đại đoàn kết toàn dân. Hồ Chí Minh luôn đề cao, trân trọng những khía cạnh nhân bản của đạo đức tôn giáo trong giáo lý nguyên sơ của các tôn giáo để kêu gọi mọi người dù theo những tín ngưỡng tôn giáo khác nhau cùng đoàn kết hướng tới một mục tiêu chung: “Chúa Giêxu dạy: Đạo đức là bác ái; Phật Thích ca dạy: Đạo đức là từ bi; Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa” [20].

Như vậy, trong tư tưởng của Người, để không ngừng củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc thì công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng có một vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng. Điều cần lưu ý phải luôn có một nội dung và hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, từng giai đoạn cách mạng cụ thể và đặc biệt coi trọng giáo dục tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc, các tôn giáo trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Xóa bỏ mặc cảm, định kiến và bệnh hẹp hòi trên tinh thần độ lượng, khoan dung là phương thức quan trọng để xây dựng đại đoàn kết dân tộc.Trải qua gần 100 năm thống trị của đế quốc nước ngoài, và xa hơn là hàng nghàn năm phong kiến với những âm mưu thủ đoạn “chia để trị” của thực dân và thậm chí do những sai lầm ấu trĩ của cán bộ cách mạng nên giữa một bộ phận các dân tộc, tôn giáo, giai cấp... còn có những khoảng cách, nghi hoặc, rạn nứt trong quan hệ. Bởi vậy, những tàn tích của những định kiến quá khứ do đế quốc, phong kiến để lại còn đè nặng lên tư tưởng và tình cảm của quần chúng nhân dân. Muốn xây dựng khối đại đoàn kết, muốn tập hợp, động viên và phát huy sức mạnh của tất cả các lực lượng, theo Hồ Chí Minh tất yếu phải san bằng những hố sâu ngăn cách đó: “Cần phải xóa bỏ hết thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ, để cùng phục vụ nhân dân” [21].

Muốn xóa bỏ được những thành kiến, theo Người, phải có một lòng bao dung, biết nâng niu, trận trọng và khuyến khích mặt tốt, mặt thiện trong mỗi con người để khơi dậy phần tốt được nảy nở như hoa mùa xuân, và phần xấu bị héo mòn đi để họ trở về với cộng đồng dân tộc. Đối với những người có thói hư tật xấu, trừ hạng người phản lại Tổ quốc, cũng cần giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho phần thiện trong họ nảy nở để đẩy lùi phần ác, chứ không phải đập cho tơi bời. Chính sách khoan hồng đại độ trong tư tưởng của Người là xóa bỏ những hận thù, định kiến và mặc cảm quá khứ trên cơ sở khai thác những yếu tố “tương đồng”, tôn trọng những yếu tố “dị biệt”; nhân lên mẫu số chung những yếu tố tâm lý, văn hóa, lợi ích dân tộc; khơi dậy trong tâm hồn mọi người tinh thần của những người mang dòng máu Lạc Hồng; trân trọng cái phần thiện, dù nhỏ nhất ở mỗi con người. Trong nhận thức của Người, có tấm lòng độ lượng sẽ có được sự cảm hóa sâu sắc: “Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng của nó hẹp nhỏ...” [22]. Như vậy, có thể khẳng định, mọi tư tưởng, mọi sự sáng tạo của Hồ Chí Minh đều xuất phát từ lòng yêu thương, kính trọng và tin tưởng ở con người, tin tưởng ở nhân dân. Người từng nói rằng đã là người Việt Nam thì ai cũng có ít nhiều lòng yêu nước. Với tấm lòng nhân ái bao la, lòng tin vô hạn đối với nhân dân, dân tộc, Người đã giành trọn tình yêu thương và sự tin tưởng vào khả năng tiến bộ của con người, biết khơi dậy trong họ những khả năng tiềm tàng, thức tỉnh và giáo dục họ đứng lên đấu tranh cho sự nghiệp chính nghĩa của quốc gia dân tộc.

Trên thực tế, quan điểm khoan dung, độ lượng và niềm tin vào nhân tính con người đã giúp Hồ Chí Minh: “Đoàn kết tất cả những người thật sự yêu Tổ quốc, yêu hòa bình, không phân biệt họ thuộc đảng phái nào, tôn giáo nào, tầng lớp nào và quá khứ họ đã hợp tác với phe nào.Trên nền tảng vững mạnh là lực lượng vô địch của tối đại đa số nhân dân ta (tức là giai cấp công, nông), với một cương lĩnh rộng rãi và một chính sách đúng đắn, với sự đoàn kết nhất trí của tất cả những người xứng đáng là con Lạc cháu Hồng - Mặt trận nhất định sẽ thành công trong việc đánh tan âm mưu Mỹ và bè lũ tay sai của chúng và thực hiện hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước Việt Nam yêu quý của chúng ta” [23].

Quán triệt sâu sắc, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, Đảng ta khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam là sự liên kết, gắn bó tất cả các thành viên các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác, người đã nghỉ hưu và mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài thành một khối vững chắc, ổn định, lâu dài nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Trong khối đại đoàn kết đó, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là lực lượng nòng cốt, đông đảo nhất, đồng thời là cơ sở vững chắc của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thông qua khối liên minh này, Đảng, Nhà nước có thể tập hợp, vận động các tầng lớp nhân dân lao động khác tham gia quản lý nhà nước, làm chủ xã hội, làm cho lợi ích giai cấp gắn chặt với lợi ích dân tộc, tạo đồng thuận cao trong xã hội. Vì vậy, Đảng ta chỉ rõ: “Khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [24]. Hiện nay, trước yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới, Đảng ta tiếp tục khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề chiến lược của cách mạng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) đã đúc kết một trong những bài học lớn của cách mạng Việt Nam là: “Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta” [25] ./.

3/ quan điểm hcm về xây dựng nhà nước

Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động

Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh chú ý khảo cứu lựa chọn ra một kiểu nhà nước mới cho Việt Nam để xây dựng sau khi cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản thành công. Nhà nước đó phải đại biểu quyền lợi "cho số đông người" và Hồ Chí Minh đã chủ trương xây dựng một Nhà nước công nông binh thể hiện trong Chánh cương vắn tắtcủa Đảng khi thành lập Đảng đầu năm 1930. Trải qua thực tế các cao trào cách mạng ở Việt Nam, về sau, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng ở Việt Nam một nhà nước Dân chủ Cộng hòa, một nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước của dân, do dân, vì dân. Trong bài báo Dân vận (năm 1949), Hồ Chí Minh khẳng định: Nước ta là nước dânchủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là côngviệccủa dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ởnơi dân.

Quan điểm về nhà nước của dân, do dân, vì dân, chúng ta thấy trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện ở những nội dung cơ bản sau đây:

Nhà nước của dân

Quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh là xác lập tất cả mọi quyền lực trongnhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Trong 24 năm làm Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo soạn thảo hai bản Hiến pháp, đó là Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959. Quan điểm trên của Người được thể hiện trong các bản Hiến pháp đó. Chẳng hạn, Hiến pháp năm 1946 nêu rõ: tất cả quyền bính trong nước đều là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo; những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra toàn dân phúc quyết.

Nhân dân lao động làm chủ Nhà nước thì dẫn đến một hệ quả là nhân dân có quyền kiểm soát Nhà nước, cử tri bầu ra các đại biểu, ủy quyền cho các đại biểu đó bàn và quyết định những vấn đề quốc kế dân sinh. Đây thuộc về chế độ dân chủ đại diện bên cạnh chế độ dân chủ trực tiếp. Quyền làm chủ và đồng thời cũng là quyền kiểm soát của nhân dân thể hiện ở chỗ nhân dân có quyền bãi miễn những đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nào nếu những đại biểu đó tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Hồ Chí Minh đã nêu lên quan điểm dân là chủ và dân làm chủ. Dân là chủ có nghĩa là xác định vị thế của dân, còn dân làm chủ có nghĩa là xác định quyền, nghĩa vụ của dân. Trong nhà nước của dân, với ý nghĩa đó, người dân được hưởng mọi quyền dân chủ. Bằng thiết chế dân chủ, nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm quyền làm chủ của dân, để cho nhân dân thực thi quyền làm chủ của mình trong hệ thống quyền lực của xã hội. Quyền lực của nhân dân được đặt ở vị trí tối thượng. Điều này có ý nghĩa thực tế nhắc nhở những người lãnh đạo, những đại biểu của nhân dân làm đúng chức trách và vị thế của mình, không phải là đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân, "cậy thế" với dân, "quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân". Một nhà nước như thế là một nhà nước tiến bộ trong bước đường phát triển của nhân loại. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh khai sinh ngày 2-9-1945 chính là Nhà nước tiến bộ chưa từng có trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam bởi vì Nhà nước đó là nhà nước của dân, nhân dân có vai trò quyết định mọi công việc của đất nước.

Nhà nước do dân

Nhà nước do dân lập nên, do dân ủng hộ, dân làm chủ. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh nhiệm vụ của những người cách mạng là phải làm cho dân hiểu, làm cho dân giác ngộ để nâng cao được trách nhiệm làm chủ, nâng cao được ý thức trách nhiệm chăm lo xây dựng nhà nước của mình. Hồ Chí Minh khẳng định: việc nước là việc chung, mỗi người đều phải có trách nhiệm "ghé vai gánh vác một phần". Quyền lợi, quyền hạn bao giờ cũng đi đôi với trách nhiệm, nghĩa vụ.

Nhà nước vì dân

Nhà nước vì dân là một nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân, ngoài ra không có bất cứ một lợi ích nào khác. Đó là một nhà nước trong sạch, không có bất kỳ một đặc quyền, đặc lợi nào. Trên tinh thần đó Hồ Chí Minh nhấn mạnh: mọi đường lối, chính sách đều chỉ nhằm đưa lại quyền lợi cho dân; việc gì có lợi cho dân dù nhỏ cũng cố gắng làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ cũng cố gắng tránh. Dân là gốc của nước. Hồ Chí Minh luôn luôn tâm niệm: phải làm cho dân có ăn, phải làm cho dân có mặc, phải làm cho dân có chỗ ở, phải làm cho dân được học hành. Cả cuộc đời Người "chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân". Hồ Chí Minh viết: "khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, ủy thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhẫn nhục cố gắng - cũng vì mục đích đó"

. Sđd, t.4, tr. 240.

. Một Nhà nước vì dân, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là từ chủ tịch nước đến công chức bình thường đều phải làm công bộc, làm đày tớ cho nhân dân chứ không phải "làm quan cách mạng" để "đè đầu cưỡi cổ nhân dân" như dưới thời đế quốc thực dân. Ngay như chức vụ Chủ tịch nước của mình, Hồ Chí Minh cũng quan niệm là do dân ủy tháccho và như vậy phải phục vụ nhân dân, tức là làm đày tớ cho nhân dân. Hồ Chí Minh nói: "Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui... Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi"

. Sđd, t. 4, tr. 161.

.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Nhà nước là một phạm trù lịch sử, nó chỉ ra đời và tồn tại khi giai cấp và đấu tranh giai cấp xuất hiện, do đó, nhà nước là sản phẩm của một xã hội có giai cấp, nó bao giờ cũng mang bản chất một giai cấp nhất định, không có một nhà nước nào là phi giai cấp, không có nhà nước đứng trên giai cấp. Như vậy không phải lịch sử nhân loại xuất hiện là có nhà nước ngay và nhà nước không phải tồn tại mãi mãi. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước ta được coi là Nhà nước của dân, do dân, vì dân nhưng bản chất giai cấp của Nhà nước ta là bản chất giai cấp công nhân. Vì:

Một là, Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Điều này được thể hiện:

- Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân. Việc xác định bản chất giai cấp công nhân của nhà nước là một vấn đề rất cơ bản của Hiến pháp. Lời nói đầu của bản Hiến pháp năm 1959 khẳng định: Nhà nước ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo. Trong quan điểm cơ bản xây dựng một Nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, một nhà nước thể hiện tính chất nhân dân rộng rãi, Hồ Chí Minh vẫn nhấn mạnh nòng cốt của nhân dân là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và trí thức do giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng phương thức thích hợp. Nói đến phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là nói đến cách lãnh đạo cho phù hợp với từng thời kỳ. Trong thời kỳ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch nước, đất nước ta phải vừa tiến hành kháng chiến chống giặc ngoại xâm, giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, vừa lãnh đạo nhân dân xây dựng chế độ mới. Do đó, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ta thời kỳ đó không giống với những thời kỳ sau này. Song, trong tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn có những vấn đề cơ bản về phương thức lãnh đạo của Đảng chung cho các thời kỳ. Đó là:

\* Đảng lãnh đạo bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chính sách, kế hoạch.

\* Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước.

\* Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng công tác kiểm tra.

Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước ta thể hiện ở tính định hướng xã hội chủnghĩa của sự phát triển của đất nước. Điều này đã được thể hiện ngay từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời ngày 2-9-1945 trong bản Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh.

Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ. Hồ Chí Minh rất chú ý đến tính dân chủ trong tổ chức và hoạt động của tất cả bộ máy, cơ quan nhà nước, nhấn mạnh đến việc phát huy cao độ dân chủ, đồng thời phát huy cao độ tập trung. Nhà nước phải tập trung thống nhất quyền lực để tất cả mọi quyền lực vào tay nhân dân.

Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc

Hồ Chí Minh là người giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa các vấn đề giai cấp - dân tộc trong xây dựng Nhà nước Việt Nam mới. Hồ Chí Minh đã giải quyết hài hòa, thống nhất giữa bản chất giai cấp với tính nhân dân, tính dân tộc và được biểu hiện rõ trong những quan điểm sau:

- Nhà nước ta ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam từ quá trình dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX dân tộc Việt Nam rơi vào khủng hoảng đường lối cách mạng. Trong cuộc đấu tranh trường kỳ chống thực dân Pháp của dân tộc ta, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của các nhà cách mạng tiền bối rất oanh liệt tô thắm cho truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc nhưng độc lập, tự do cho dân tộc vẫn chưa trở thành hiện thực. Từ ngày 3-2-1930 Đảng ta ra đời thì sự lớn mạnh của giai cấp công nhân với đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam đã vượt qua được tất cả các hạn chế và đã lãnh đạo thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 đấu tranh giành chính quyền, lập nên Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

- Tính thống nhất của nó còn biểu hiện ở chỗ Nhà nước ta bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc làm cơ bản. Bản chất của vấn đề này là ở chỗ, Hồ Chí Minh khẳng định lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của toàn dân tộc là một. Nhà nước ta không những thể hiện ý chí của giai cấp công nhân mà còn thể hiện ý chí của nhân dân và của toàn dân tộc.

- Trong thực tế, Nhà nước ta đã đứng ra làm nhiệm vụ của cả dân tộc giao phó, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội rồi đi tới chủ nghĩa cộng sản là con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định cũng là sự nghiệp của chính Nhà nước ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về một Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

Hồ Chí Minh đã sớm thấy được tầm quan trọng của pháp luật trong quản lý xã hội. Điều này thể hiện trong bản Yêu sách của nhân dân An Nam do Người ký tên là Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxây (Pháp) năm 1919. Sau này, khi trở thành người đứng đầu Nhà nước Việt Nam mới, Hồ Chí Minh càng quan tâm sâu sắc hơn việc xây dựng và điều hành nhà nước một cách có hiệu quả bằng pháp quyền. Một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ được Hồ Chí Minh chú ý xây dựng thể hiện trên những điểm sau đây:

Xây dựng một Nhà nước hợp hiến

Chỉ một ngày sau khi đọc bản Tuyên ngôn độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh đã đề nghị tổ chức tổng tuyển cử càng sớm càng tốt để lập Quốc hội rồi từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy chính thức khác của Nhà nước mới.

Cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi ngày 6-1-1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu và lần đầu tiên trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam cũng như lần đầu tiên ở Đông Nam châu Á, tất cả mọi người dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, đảng phái, tôn giáo... đều đi bỏ phiếu bầu những đại biểu của mình vào trong Quốc hội. Ngày 2 - 3 - 1946, Quốc hội Khóa I đã họp Phiên đầu tiên lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây chính là Chính phủ có đầy đủ giá trị pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.

Quản lý nhà nước bằng pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống

Quản lý nhà nước là quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhau nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng hệ thống luật, trong đó quan trọng bậc nhất là Hiến pháp - đạo luật cơ bản của nước nhà. Các bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959 đã để lại dấu ấn đậm nét những quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất, thiết chế và hoạt động của Nhà nước mới. Từ năm 1919, Hồ Chí Minh đã đề cập vấn đề "thần linh pháp quyền" trong đời sống xã hội hiện đại. Có Hiến pháp và pháp luật nhưng không đưa được vào trong cuộc sống thì xã hội cũng sẽ bị rối loạn. Dân chủ đích thực bao giờ cũng đi liền với kỷ cương, phép nước, tức là đi liền với thực thi Hiến pháp và pháp luật. Suốt cả thời kỳ giữ trọng trách Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa để bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân. Chính bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Người tự giác khép mình vào kỷ luật, vào việc gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Sống và làm việc theo pháp luật đã trở thành nền nếp, thành thói quen, thành lối ứng xử tự nhiên của Hồ Chí Minh.

"Thần linh pháp quyền" là sức mạnh do con người và vì con người. Do vậy, Hồ Chí Minh bao giờ cũng đòi hỏi mọi người phải hiểu và tuyệt đối chấp hành pháp luật, bất kể người đó giữ cương vị nào. Người cho rằng công tác giáo dục pháp luật cho mọi người, đặc biệt cho thế hệ trẻ, trở nên cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng một nhà nước pháp quyền, bảo đảm mọi quyền và nghĩa vụ công dân được thực thi trong cuộc sống. Trong việc thực thi pháp luật, có quan hệ rất lớn tới trình độ dân trí của nhân dân, vì vậy, Hồ Chí Minh chú trọng tới vấn đề nâng cao dân trí, phát huy tính tích cực chính trị của nhân dân, làm cho nhân dân có ý thức chính trị trong việc tham gia công việc của chính quyền các cấp. Làm tốt nghĩa vụ công dân cũng tức là thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước, biết thực hành dân chủ.

Tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của Nhà nước đủ đức và tài

Để xây dựng một Nhà nước pháp quyền vững mạnh, vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Nói một cách tổng quát nhất về yêu cầu đối với đội ngũ này là vừa có đức vừa có tài, trong đó đức là gốc; đội ngũ này phải được tổ chức hợp lý, có hiệu quả.

Đi vào những mặt cụ thể, chúng ta thấy Hồ Chí Minh nêu lên những yêu cầu sau đây về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức:

Một là: Tuyệt đối trung thành với cách mạng. Đây là yêu cầu đầu tiên cần có đối với đội ngũ này. Cán bộ, công chức phải là những người kiên cường bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhà nước. Hồ Chí Minh nhấn mạnh lòng trung thành đó phải được thể hiện hàng ngày, hàng giờ, trong mọi lĩnh vực công tác.

Hai là: Hăng hái, thành thạo công việc, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ. Chỉ với lòng nhiệt tình không thôi thì chưa đủ và cùng lắm chỉ phá được cái xấu, cái cũ mà không xây được cái tốt, cái mới. Yêu cầu tối thiểu là đội ngũ này phải hiểu biết công việc của mình, biết quản lý Nhà nước, do vậy, phải được đào tạo và tự mình phải luôn luôn học hỏi. Hồ Chí Minh là người mạnh dạn sử dụng những công chức của chế độ cũ phục vụ cho chính quyền cách mạng và nhiều người trong số họ đã trở thành những người có công lớn đối với chế độ mới, đồng thời Người chú trọng đào tạo, bồi dưỡng những cán bộ, công chức mới. Hồ Chí Minh đã ký nhiều sắc lệnh về công chức, trong đó có những quy định cụ thể về tiêu chuẩn cán bộ tư pháp. Ngay trong thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 76 ban hành Quy chế công chức nêu rõ công chức là người giữ một nhiệm vụ cụ thể trong bộ máy nhà nước dưới sự lãnh đạo tối cao của Chính phủ. Sắc lệnh cũng nêu lên cách thức và nội dung thi tuyển để bổ nhiệm vào các ngạch, bậc hành chính trong bộ máy chính quyền.

Ba là: Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân. Hồ Chí Minh luôn luôn chủ trương xây dựng mối quan hệ bền chặt giữa đội ngũ cán bộ, công chức với nhân dân. Đội ngũ cán bộ, công chức là những người ăn lương từ nguồn ngân sách của Nhà nước mà nguồn ngân sách này do dân đóng góp. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh nhắc nhở mọi cán bộ, công chức không được lãng phí của công; phải sẵn sàng phục vụ nhân dân, luôn luôn nêu cao đạo đức cách mạng, sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân mình cho Tổ quốc, lấy phục vụ cho quyền lợi chính đáng của nhân dân làm mục tiêu cho hoạt động của mình. Đặc biệt, phải chống bệnh tham ô, lãng phí, quan liêu, phải luôn luôn gần dân, hiểu dân và vì dân. Cán bộ, công chức xa dân, quan liêu, hách dịch, cửa quyền...đối với nhân dân đều dẫn đến nguy cơ làm suy yếu Nhà nước, thậm chí làm biến chất Nhà nước ta.

Bốn là: Cán bộ, công chức phải là những người dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, "thắng không kiêu,bại không nản". Đó là những người có ý thức sẵn sàng làm "công bộc", làm "đày tớ" cho dân, những người cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, làm việc với tinh thần đầy sáng tạo. Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ, công chức phải luôn luôn tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, luôn luôn "có chí tiến thủ", luôn luôn học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt, học ở trường, học ở trong cuộc sống, trong công tác, học ở thầy, học ở bạn; phải thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước trong sạch vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước

Xây dựng một Nhà nước của dân, do dân, vì dân không bao giờ tách rời với việc làm cho Nhà nước luôn luôn trong sạch, vững mạnh. Điều này luôn luôn thường trực trong tâm trí và hành động của Hồ Chí Minh. Khi nước nhà vừa giành được độc lập, chính quyền cách mạng còn non trẻ cũng như lúc cách mạng chuyển giai đoạn, Hồ Chí Minh càng chú ý hơn bao giờ hết đến việc bảo đảm cho sự trong sạch, vững mạnh của các cấp chính quyền, bởi vì thường những lúc đó cách mạng đứng trước những thử thách rất gay gắt. Chỉ một tháng sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh gửi thư cho ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng nêu rõ sáu căn bệnh cần đề phòng: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo. Người nhắc nhở: "Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nên, ai không phạm những lầm lỗi trên này, thì nên chú ý tránh đi, và gắng sức cho thêm tiến bộ. Ai đã phạm những lầm lỗi trên này, thì phải hết sức sửa chữa; nếu không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung. Vì hạnh phúc của dân tộc, vì lợi ích của nước nhà, mà tôi phải nói. Chúng ta phải ghi sâu những chữ "công bình, chính trực" vào lòng"

. Sđd, t.4, tr. 58.

. Trong quá trình lãnh đạo xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh thường đề cập đến những tiêu cực sau đây và nhắc nhở mọi người đề phòng và khắc phục:

- Đặc quyền, đặc lợi. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh đòi hỏi phải tẩy trừ những thói cậy mình là người trong cơ quan chính quyền để cửa quyền, hách dịch với dân, lạm quyền, đồng thời để vơ vét tiền của, lợi dụng chức quyền để làm lợi cho cá nhân mình, làm như thế tức là sa vào chủ nghĩa cá nhân.

- Tham ô, lãng phí, quan liêu. Hồ Chí Minh coi tham ô, lãng phí, quan liêu là "giặc nội xâm", "giặc ở trong lòng", thứ giặc nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm. Người phê bình những người "lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức". Quan điểm của Hồ Chí Minh là: "Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là bạnđồng minh của thực dân và phong kiến...Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám"

. Sđd, t.6, tr. 490.

. Ngày 27-11-1946, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ với mức từ 5 năm đến 20 năm tù khổ sai và phải nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26-1-1946, Hồ Chí Minh ký lệnh nói rõ tội tham ô, trộm cắp của công là tội tử hình. Lãng phí là một căn bệnh mà Hồ Chí Minh lên án gay gắt và chính bản thân Người là tấm gương sáng trong việc tích cực thực hành chống lãng phí trong cuộc sống hàng ngày và trong công việc, vì Người biết quý từng đồng xu, bát gạo do dân đóng góp cho hoạt động của bộ máy nhà nước. Lãng phí ở đây được Hồ Chí Minh xác định là lãng phí sức lao động, lãng phí thời giờ, lãng phí tiền của. Liên quan đến bệnh tham ô, bệnh lãng phí là bệnh quan liêu, một căn bệnh không những có ở cấp Trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện mà còn có ở cả cấp cơ sở. Hồ Chí Minh phê bình những người và các cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không vào sâu vấn đề. Chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ không kiểmtra đến nơi đến chốn... thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững...Thế là bệnhquan liêu đã ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

- "Tư túng", "chia rẽ", "kiêu ngạo". Những hành động này gây mất đoàn kết, gây rối cho công tác. Hồ Chí Minh kịch liệt lên án tệ kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình, không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Quên rằng việc là việc công, chứ không phải việc riêng gì dòng họ của ai. Trong chính quyền, còn chia rẽ, không biết cách làm cho mọi người hòa thuận với nhau, còn có người "bênh vực lớp này, chống lại lớp khác". Ngoài cậy thế, có người còn kiêu ngạo, "tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi...Cử chỉ lúc nào cũng vác mặt quan cách mạng", làm mất uy tín của Chính phủ.

Tăng cường pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng

Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa quản lý xã hội bằng pháp luật với phát huy những truyền thống tốt đẹp trong đời sống cộng đồng người Việt Nam được hình thành qua hàng nghìn năm lịch sử. Trong việc thực thi quyền hạn và trách nhiệm của mình với cương vị là Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh bao giờ cũng thể hiện là một người sáng suốt, thống nhất hài hòa giữa lý trí và tình cảm, nghiêm khắc, bao dung, nhân ái nhưng không bao che cho những sai lầm, khuyết điểm của bất cứ ai. Kỷ cương, phép nước thời nào cũng cần và đều phải được áp dụng cho bất cứ ai. Do đó, Hồ Chí Minh yêu cầu pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh dùng sức mạnh uy tín của mình để cảm hóa những người có lỗi lầm, kéo họ đi với cách mạng, giáo dục những người mắc khuyết điểm để họ tránh phạm pháp. Dưới ngọn cờ đại nghĩa, bao dung của Hồ Chí Minh, nhiều người vốn rất mặc cảm với cách mạng đã không "sẩy chân" phạm pháp hoặc không đi theo kẻ địch.

4/ giá trị đạo đức

Hồ Chí Minh – “Vị anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất” không những được nhân dân Việt Nam kính trọng và tin yêu, mà còn được cả thế giới biết tới như “một nhà chiến lược thiên tài, một mẫu mực tuyệt vời về chí khí đấu tranh kiên cường, về tinh thần nhân đạo, yêu mến nhân dân thắm thiết, về đạo đức vô song, tác phong khiêm tốn, giản dị”(1). “Đạo đức vô song” đó được thể hiện sâu sắc và sinh động trong tư tưởng và thực tiễn hoạt động cách mạng của Người.

Tư tưởng Hồ Chí Minh không những là tài sản tinh thần vô cùng quý báu của dân tộc Việt Nam, mà còn là một giá trị văn hóa lớn được nhân dân thế giới suy tôn, ca ngợi. Một trong những di sản quý báu mà Người để lại cho Đảng và nhân dân ta là tư tưởng về đạo đức cách mạng. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng chứa đựng nhân sinh quan hết sức sâu sắc trong việc xác lập nhân cách, lý tưởng và chuẩn mực lối sống của người chiến sĩ cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng là đạo lý làm người và nhờ đó, con người mới thực sự làm người theo đúng nghĩa là NGƯỜI. Vì thế, tư tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh mang đậm tính nhân văn sâu sắc; là sự kết hợp chặt chẽ giữa truyền thống và hiện đại, vừa “tiên tiến” vừa “đậm đà bản sắc dân tộc”; là sự thống nhất hữu cơ giữa tính thực tiễn và tính khoa học.

Người quan niệm rằng, “… đạo đức cách mạng của người đảng viên là bất kỳ khó khăn đến mức nào cũng kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng, làm gương mẫu cho quần chúng”, “… là vô luận trong hoàn cảnh nào, người đảng viên cũng phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết”, “là hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng”(2). Đạo đức cách mạng trở thành yếu tố không thể thiếu ở con người mới xã hội chủ nghĩa. Nó là vốn sống, là tài sản quý báu, là cái gốc trong cuộc sống của con người. Bởi, “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”(3). Quan điểm về đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh khác hẳn về chất so với mọi quan điểm về đạo đức trong các xã hội cũ. Người luận chứng rằng, đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất, chân chổng lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngẩng lên trời; rằng, bọn phong kiến ngày xưa đưa ra cần, kiệm, liêm, chính nhưng không bao giờ thực hiện, mà bắt nhân dân phải tuân theo để phụng sự quyền lợi của chúng. Ngày nay, chúng ta đề ra và thực hiện cần, kiệm, liêm, chính là nhằm làm cho ích nước, lợi dân. Đạo đức của con người không phải mang tính chất “tiên thiên” như Nho gia quan niệm, cũng không phải là cái gì đó có tính “nhất thành bất biến”, mà nó được hình thành do hoàn cảnh giáo dục, do sự rèn luyện, phấn đấu và tu sửa bản thân của mỗi người. Từ quan niệm cho rằng, “đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố”(4), Hồ Chí Minh đòi hỏi mọi người phải thường xuyên được giáo dục và tự giáo dục về mặt đạo đức.

Nội dung giáo dục tư tưởng đạo đức cho con người trong quan niệm của Hồ Chí Minh có tầm bao quát, rộng lớn, sâu xa nhưng lại hết sức gần gũi, thiết thực, luôn gắn liền với đời sống, việc làm và hành động của mỗi người, của người chiến sĩ cách mạng Việt Nam. Cần, kiệm, liêm, chính là nội dung cốt lõi của đạo đức cách mạng. Những đức tính cần có ấy của con người giống như bốn mùa của trời, bốn phương của đất; nếu thiếu một trong những đức tính đó, con người không thể trở thành người theo nghĩa tốt đẹp nhất của từ này. Cần là siêng năng, chăm chỉ cả trong lao động và học tập. Tất thảy mọi người ai cũng cần thì bản thân mới tiến bộ, gia đình mới ấm no và hạnh phúc, quê hương mới phồn thịnh, đất nước mới giàu mạnh.

Song, cần phải luôn gắn liền với kiệm. Kiệm là tiết kiệm, sử dụng có kế hoạch và có mục đích, không xa xỉ, hoang phí. Theo Hồ Chí Minh, để xây dựng cuộc sống mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không những phải tiết kiệm tiền bạc, sức lực mà còn phải biết tiết kiệm cả thời gian, bởi của cải nếu hết, còn có thể làm thêm nhưng thời giờ đã trôi qua rồi thì không bao giờ có thể lấy lại được. Kiệm rất quan trọng, vì có KIỆM mới có LIÊM. Liêm là sống trong sạch, không tham lam. Người cho rằng, một dân tộc biết thực hiện cần, kiệm, liêm là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần; là một dân tộc văn minh tiến bộ. Để trở thành người có phẩm chất đạo đức tốt, phải hội đủ các yếu tố Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Chính là không tà, trung thực và thẳng thắn. Người có chính thấy “Việc thiện thì dù nhỏ mấy cũng làm. Việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh. Việc gì dù lợi cho mình, phải xét nó có lợi cho nước không? Nếu không có lợi, mà có hại cho nước thì quyết không làm”(5).

Trong giáo dục, xây dựng đạo đức cách mạng cho nhân dân, nhất là cán bộ và đảng viên, Hồ Chí Minh không chỉ nhấn mạnh sự cần thiết phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, mà còn yêu cầu phải tích cực chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu. Tham ô là ăn cắp của công, gian lận, đục khoét nhân dân. Cùng với tham ô là thói lãng phí và trong nhiều trường hợp, lãng phí còn tai hại hơn tham ô. Theo Người, nguyên nhân căn bản nhất của nạn tham ô, lãng phí chính là bệnh quan liêu. Quan liêu là không đi sát với công việc thực tế, xa lánh, xem thường quần chúng; mọi công việc kiểm tra, giám sát, đánh giá, nhận xét được thực hiện một cách chiếu lệ, qua loa, có tính hình thức… dẫn đến hậu quả là những người xấu, kém năng lực, phẩm chất có cơ hội tham ô, lãng phí. “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và của Chính phủ”, cho nên “chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị”(6).

Giáo dục đạo đức cách mạng không có nghĩa phá bỏ tất cả, mà là phê phán, cải tạo, thay thế những gì cũ kĩ, lạc hậu, tiêu cực gây tác hại xấu đối với sự nghiệp cách mạng và bổ sung những giá trị đạo đức mới, hiện đại và phù hợp. Hồ Chí Minh là một tấm gương mẫu mực trong việc tiếp thu những chuẩn mực giá trị đạo đức được đúc kết bởi truyền thống dân tộc để xây dựng hệ thống giá trị đạo đức mới mang tính giai cấp, tính dân tộc trong thời đại mới. Các phạm trù nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, dũng của Nho giáo được Người kế thừa, phát triển một cách sinh động, tinh tế và chứa đựng những nội dung mới. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, nhân là “thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào”; nghĩa là “ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có gì dấu Đảng” và trí là “sáng suốt, dễ hiểu lý luận, dễ tìm phương hướng, biết xem người, xem việc”. Nhưng để thực hiện nhân, nghĩa, trí, con người còn cần phải có dũng. Dũng là “dũng cảm, gan góc, gặp việc phải có gan làm. Thấy khuyết điểm có gan sửa chữa. Cực khổ khó khăn, có gan chịu đựng. Có gan chống lại những sự vinh hoa, phú quý không chính đáng. Nếu cần, thì có gan hy sinh cả tính mệnh cho Đảng, cho Tổ quốc, không bao giờ rụt rè, nhút nhát”(7).

Tư tưởng giáo dục đạo đức của Hồ Chí Minh có ý nghĩa to lớn đối với việc xây dựng đạo lý, nhân cách làm người. Những điều Người nói, viết về vấn đề này hết sức sâu sắc, thiết thực, gắn liền với yêu cầu, nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể của từng giới, từng lứa tuổi, ngành… trong sự nghiệp cách mạng. Người coi giáo dục đạo đức cho đảng viên là giáo dục tinh thần quên mình vì lợi ích của Đảng, của cách mạng và của nhân dân lao động; giáo dục đạo đức cho công dân là giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, giữ gìn của công, lao động có kỷ luật, biết giữ trật tự chung…; giáo dục đạo đức cho lực lượng vũ trang nhân dân là giáo dục tinh thần trung với nước, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội; giáo dục đạo đức cho lực lượng an ninh là giáo dục tinh thần “Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính. Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ. Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành. Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép. Đối với công việc, phải tận tụy. Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo”(8).

Là một nhà hiền triết có tầm nhìn xa trông rộng, Hồ Chí Minh đã thấy ở thanh niên cái sứ mệnh là “người chủ tương lai của nước nhà”; thấy được sự thịnh suy của đất nước phụ thuộc một phần lớn vào lực lượng thanh niên. Để gánh vác và làm tròn trọng trách vẻ vang nhưng cũng rất nặng nề đó, để thật sự xứng đáng với vai trò tiền phong, ngay từ giờ, thanh niên phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải ra sức học tập, tu dưỡng và làm việc. Người đặc biệt coi trọng việc giáo dục đạo đức cho thanh niên và yêu cầu họ phải luôn nỗ lực vươn lên trong mọi lĩnh vực, phải có tinh thần quyết tâm, ham công việc ích nước lợi dân, không ham công danh phú quý; có tinh thần siêng năng, gương mẫu, sống trong sạch, không kiêu ngạo, tự mãn; nói ít làm nhiều, thân ái đoàn kết, có tổ chức có kỷ luật; tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tự do; sống khiêm tốn giản dị, chống lãng phí xa hoa; phải thường xuyên phê bình và tự phê bình, tham gia học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, khoa học, kỹ thuật, văn hóa; có tinh thần trách nhiệm dẫn dắt và giáo dục thiếu niên, nhi đồng; thấm nhuần đạo đức cách mạng, cầu tiến, sáng tạo cần cù, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau. Thiếu niên, nhi đồng – những búp măng non của đất nước, phải hăng hái “làm việc nhỏ tùy theo sức của mình”, “không sợ khó, không sợ khổ, siêng học, siêng làm”, “tiết kiệm, việc nên làm không cần nhắc, việc không nên không cần ai ngăn”. Thiếu niên phải luôn luôn phấn đấu: “yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; học tập tốt, lao động tốt; đoàn kết tốt; thật thà, dũng cảm; giữ gìn vệ sinh thật tốt”, góp phần đưa nước nhà “sánh vai cùng các cường quốc năm châu”. Phụ nữ cần tích cực học tập, lao động, tham gia công tác xã hội, trở thành những người “giỏi việc nước, đảm việc nhà”.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, đức luôn gắn liền với tài, bởi “Nếu có đức mà không có tài ví như ông Bụt không làm hại gì, nhưng cũng không lợi gì cho loài người”(9); ngược lại, “có tài mà không có đức… thì chẳng những không làm được gì ích lợi cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa”(10). Tài và đức phải là những phẩm chất thống nhất của con người. Nếu đạo đức là tiêu chuẩn cho mục đích hành động thì tài là phương tiện thực hiện mục đích đó. Có thể nói, nhờ có tài, đức mới được biểu hiện và thực thi trong cuộc sống; thiếu tài, tất yếu đức mãi cũng chỉ ở trong tư tưởng, nhận thức của con người. Cho nên, nguyên tắc cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức là lời nói đi đôi với việc làm; lý luận và thực tiễn phải thống nhất với nhau. Người khẳng định rằng, đạo đức cách mạng “không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người… Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”(11).

Sự phân tích những vấn đề trên cho thấy, một trong những nguyên tắc cơ bản trong tư tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh là sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Nguyên tắc đó trở thành phương pháp luận trong cuộc sống và là nền tảng triết lý sống hết sức bình dị mà vô cùng sâu sắc của Người, đó là nói đi đôi với làm. Trong sự nghiệp xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh đã coi nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là cơ sở, nền tảng để đánh giá đạo đức của con người; đồng thời, khẳng định rằng, “thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông”(12). Theo Người, chỉ có thực tiễn mới là thước đo, tiêu chuẩn đúng đắn nhất trong việc đánh giá, xác định đạo đức của con người.

Để đạo đức cách mạng thấm sâu, bám chắc vào đời sống xã hội và trở thành nền tảng tinh thần của nhân dân lao động, Hồ Chí Minh đòi hỏi mọi người, đặc biệt là cán bộ, đảng viên nhất thiết “phải làm gương, gắng làm gương trong anh em, và khi đi công tác, gắng làm gương cho dân. Làm gương về cả ba mặt: tinh thần, vật chất và văn hóa”(13). Sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong lời nói và việc làm không chỉ là cách thức để giáo dục đạo đức cho quần chúng, mà còn là một phương pháp để tự giáo dục bản thân mình. Muốn vậy, mỗi cán bộ, đảng viên trước hết phải tích cực thực hiện phê bình và tự phê bình, nhằm giúp nhau sửa chữa khuyết điểm và cùng tiến bộ, nhằm sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn. Những người được phê bình cần có thái độ vô tư, có tinh thần cầu tiến, sẵn sàng tiếp thu để sửa chữa khuyết điểm, không nên vì bị phê bình mà nản chí, tiêu cực hoặc oán ghét người khác. Để luôn luôn tiến bộ, theo Hồ Chí Minh, “Người có ưu điểm thì phải cố gắng thêm, và người khác phải cố gắng bắt chước. Mọi người phải tích cực sửa chữa khuyết điểm của mình và giúp anh em sửa chữa khuyết điểm của họ”(14).

Tư tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh thấm nhuần triết lý hành động của phương Đông, được soi sáng bởi thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin. Nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của đạo đức đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, Người đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cách mạng cho mọi người. Trước lúc ra đi, Hồ Chí Minh không quên căn dặn mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; phải tích cực học tập và trau dồi đạo đức cách mạng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức luôn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với việc giáo dục đạo đức cho người chiến sĩ cách mạng Việt Nam. Hiện nay, khi mà - như Đảng ta nhận định - trong Đảng đang bộc lộ một số yếu kém: sự suy thoái về tư tưởng chính trị; tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn(15)… thì việc quán triệt, học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức lại càng trở nên cấp bách và thiết thực hơn bao giờ hết. Trong giai đoạn cách mạng mới, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định sự cần thiết phải “thường xuyên xây dựng và chỉnh đốn Đảng, thực hiện Di chúc của Bác, nhằm nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng”(16).

5/ quan điểm về pl

Hồ Chí Minh đã có những tư tưởng, đặc biệt là việc làm thể hiện ở tầm một nhà lập pháp sáng tạo, một người mở đường và đặt nền móng vững chắc cho hoạt động lập pháp và quản lý xã hội bằng pháp luật ở nước ta.

Hồ Chí Minh là người nắm vững tinh hoa văn hóa dân tộc. Tư tưởng của các thời Lý, Trần về phép trị nước, thân nhân, khoan thư sức dân. Tư tưởng thượng tôn pháp luật thời Lê, nhất là Lê Thánh Tông, tư tưởng về pháp luật trong việc điều hành nền hành chính nhà nước thời kỳ hưng thịnh của nhà Nguyễn…; đặc biệt là chủ thuyết canh tân của Nguyễn Trường Tộ… đều được Hồ Chí Minh xem xét kế thừa.

Tư tưởng đức trị, nhân chính, pháp trị của Khổng Tử, Mạnh Tử, Hàn Phi Tử, đặc biệt là nhà nước dân chủ, pháp quyền của Pháp, Mỹ, tư tưởng vô sản chuyên chính của chủ nghĩa Mác - Lênin… tất cả đều được Hồ Chí Minh chắt lọc, kế thừa, phát triển và vận dụng cho phù hợp với hoàn cảnh của nước ta ở giữa thế kỷ XX.

Hồ Chí Minh không để lại một trước tác riêng về luật pháp như là một luật gia. Nhưng Người là một nhà cách mạng, một nhà hoạt động thực tiễn, một người nhuần nhuyễn phép biện chứng duy vật, một người yêu nước, yêu dân tộc vô bờ bến. Người chỉ có một động cơ duy nhất là giành độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào. Và với nhiệt tình cách mạng sôi nổi, với sự uyên bác của một nhà văn hóa lỗi lạc, lại ở cương vị cao nhất của Đảng và Nhà nước, Hồ Chí Minh đã có những tư tưởng, đặc biệt là việc làm thể hiện ở tầm một nhà lập pháp sáng tạo, một người mở đường và đặt nền móng vững chắc cho hoạt động lập pháp và quản lý xã hội bằng pháp luật ở nước ta.

Trong suốt quá trình hoạt động, tổ chức, lãnh đạo Đảng và trực tiếp đứng đầu nhà nước suốt 24 năm, Hồ Chí Minh đã bộc lộ rõ một tư tưởng nhất quán: tính tất yếu của hiến pháp và pháp luật. Với Người thì hiến pháp gắn với dân chủ. Đối với nước ta khi còn mất chủ quyền quốc gia thì trước hết luật pháp phải gắn với đấu tranh giành quyền độc lập, tự do. Hiến pháp là linh hồn, ý chí của độc lập, tự do, bảo vệ cho độc lập, tự do, khuôn khổ cho đời sống dân chủ, cho cuộc sống độc lập, tự do, ấm nó, hạnh phúc của người dân; là cơ sở pháp lý trong tất cả các quan hệ quốc tế.

Hiến pháp mở lối cho phương thức quản lý bằng pháp luật, cho việc hình thành các tổ chức của các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội; cho việc hình thành đội ngũ quan chức, viên chức và quy định họ phải làm và chỉ được làm những điều mà pháp luật cho phép; cho một xã hội mà công dân được và không được làm gì đều được pháp luật quy định.

Bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2/9/1945 là văn bản pháp luật đầu tiên khẳng định những quyền tự nhiên, thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam; nó cũng là văn bản pháp lý đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trong quan hệ quốc tế.

Trong suốt 24 năm là nguyên thủ quốc gia, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trì soạn thảo 2 bản Hiến pháp (1946, 1959). Bản Hiến pháp 1946 xác nhận “đã đảm bảo độc lập dân tộc và một nền dân chủ rộng rãi của nhân dân” và là công cụ pháp lý để nhân dân ta làm cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Hiến pháp năm 1959 là công cụ pháp lý để nhân dân ta xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Bằng toàn bộ cuộc đời hoạt động của mình, Người đã khẳng định một nguyên lý: Sự tồn tại của pháp luật và tinh thần thượng tôn pháp luật là một tất yếu khách quan trong một nhà nước dân chủ, một xã hội văn minh.